



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

**16**

Tháng 8 - 2012

# **Bộ Xây dựng và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ký kết Chương trình phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Đặng Ngọc Tùng tiến hành ký kết Chương trình phối hợp hành động



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Lễ ký

# THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BA**

**16**

**SỐ 16- 8/2012**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 1083/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 5  
phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể bảo tồn, cải tạo  
và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa
- Thông tư số 15/2012/TT-BKH-CN quy định về tổ chức và 7  
hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong  
thương mại
- Thông tư số 127/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng 8  
dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình thủ tục công  
nhận tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh  
nghiệp
- Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và 9  
Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng  
thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu,  
vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được
- Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT ban hành Quy định 10  
tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê  
tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 10  
dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch phát triển  
mạng lưới đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng  
đến năm 2025
- Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 12  
dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý, thu  
hồi vốn ngân sách thành phố đầu tư tại các dự án cấp  
nước hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện bàn giao  
cho các đơn vị quản lý, khai thác sử dụng sau đầu tư trên  
địa bàn thành phố Hà Nội



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

**(Trưởng ban)**

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu phương pháp xác định 15 độ dài thời gian xây dựng công trình hợp lý cho một số công trình xây dựng dân dụng phổ biến (nhà ở, văn phòng, trường học) phù hợp với điều kiện Việt Nam”
- Nghiệm thu đề tài: “Hoàn thiện công nghệ tái chế phế 16 thải phá dỡ công trình làm cốt liệu cho xây dựng”
- Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn 17 Sa Pa mở rộng là đô thị loại IV
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn 19 Phước An là đô thị loại IV
- Xây dựng ngầm – xu hướng hiện nay trong việc giải 22 quyết các vấn đề giao thông tại các thành phố lớn
- Nguyên tắc thiết kế và cách biểu đạt nghệ thuật cảnh 24 quan quảng trường thành phố
- Bàn về vấn đề kiểm soát chất lượng công trình xây 27 dựng
- Tro xỉ thải - nguồn thu lớn 29

## **Thông tin**

- Bộ Xây dựng và Kiểm toán Nhà nước ký quy chế 32 phối hợp công tác
- Bộ Xây dựng và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam 33 ký kết Chương trình phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển nhà ở đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030
- Hợp Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng 34 vùng Thủ đô Hà Nội
- Thứ trưởng Cao Lại Quang tiếp đoàn doanh nghiệp 35 Nhật Bản
- Kiến nghị về việc đẩy mạnh tái sử dụng vật liệu xây 36 dựng phế thải ở thành phố Thanh Đảo, Trung Quốc
- Biện pháp nâng cao chất lượng quản lý công tác 42 mời thầu thi công xây dựng
- Con đường xây dựng mô hình đô thị hóa cacbon thấp 45 ở Tương Tây - tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc

## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 1083/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể bảo tồn, cải tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa**

Ngày 14/8/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1083/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể bảo tồn, cải tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa tỷ lệ 1:2000.

Theo Quyết định này, phạm vi lập quy hoạch thuộc các khu vực liên quan đến Khu di tích thành Cổ Loa và phụ cận, trên địa bàn các xã Cổ Loa, Dục Tú, Việt Hùng, Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Quy mô lập quy hoạch khoảng 860 ha, có thể điều chỉnh trong quá trình lập quy hoạch, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy hoạch được duyệt và yêu cầu thực tế bảo tồn Khu di tích.

Mục tiêu quy hoạch nhằm bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Cổ Loa, hướng tới xây dựng và tôn vinh Khu di tích thành Cổ Loa trở thành “Công viên Lịch sử - Sinh thái - Nhân văn” của Thủ đô Hà Nội, phù hợp với quy hoạch phân khu tại khu vực và quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch sẽ xác định chức năng và chỉ tiêu sử dụng đất cho khu vực di tích, khu dân cư, khu vực bảo vệ môi trường sinh thái. Tổ chức không gian và bố trí hệ thống hạ tầng phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và phát triển Khu di tích thành Cổ Loa; đề ra định hướng kế hoạch tổng thể quản lý và đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa Khu di tích thành Cổ Loa; xác định lộ trình và các nhóm giải pháp chính để triển khai các dự án.

Theo Quyết định này, Khu di tích thành Cổ Loa được xác định là khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, là một trong những công viên

chính của thành phố Hà Nội, trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử có nhiều nét đặc trưng văn hóa.

Đối tượng nghiên cứu của Quy hoạch là các di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng đã và chưa được Nhà nước xếp hạng, gắn liền với lịch sử và văn hóa sống của dân cư trong di tích Cổ Loa, gồm: Hệ thống thành Cổ Loa, các di chỉ khảo cổ, hệ thống các đình, đền, chùa, điểm, nhà ở dân gian cổ... Các giá trị văn hóa phi vật thể: Lễ hội truyền thống, văn hóa tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thuyết dân gian...; Các yếu tố liên quan khác về kinh tế, xã hội, dân cư, môi trường, các thể chế và chính sách có liên quan khác...

Các nội dung và yêu cầu nghiên cứu chủ yếu của Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực di tích thành Cổ Loa bao gồm:

- Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng tổng hợp: Sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển qua các thời kỳ và nhận diện các giá trị nổi trội của Khu di tích thành Cổ Loa trong hệ thống di tích quốc gia; Điều kiện tự nhiên và các vùng cảnh quan liên quan đến lịch sử phát triển khu di tích; Đánh giá thực trạng triển khai quy hoạch chi tiết khu vực di tích Cổ Loa tỷ lệ 1/2000, các quy hoạch và dự án liên quan đến khu di tích và hiện trạng công tác quản lý bảo tồn và đầu tư xây dựng, xác định các nội dung kế thừa và các nội dung cần phải điều chỉnh hướng tới quy hoạch Khu di tích Cổ Loa cân bằng giữa 3 yếu tố lịch sử, sinh thái và nhân văn; Tình trạng di tích, các khu vực có tiềm năng về khảo cổ, các vùng cảnh quan xung quanh di tích và tình trạng lấn chiếm di tích, lấn chiếm vùng bảo vệ

di tích. Công tác bảo tồn, quản lý, khai thác di tích vào đời sống dân cư và phát triển kinh tế khu vực; Đặc điểm về kinh tế, xã hội, các hoạt động liên quan đến văn hóa phi vật thể và các động lực phát triển, quy mô dân số, đất đai trong khu di tích. Thực trạng sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường. Đánh giá các tác động từ đô thị hóa đến quần thể khu di tích; Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực và công tác thông tin quảng bá, khai thác du lịch và phát triển kinh tế xã hội; Phân tích mối quan hệ về chức năng, không gian cảnh quan, hạ tầng đô thị của khu di tích với quy hoạch xây dựng huyện Đông Anh và thành phố Hà Nội. Dự báo quy mô dân số, quy mô khách du lịch, ngưỡng dân số trong khu di tích nhằm giảm tối đa các tác hại đến di tích. Dự báo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng phù hợp đối với khu di tích lịch sử văn hóa quốc gia.

- Định hướng quy hoạch bảo tồn, tôn tạo di tích: Đề xuất giải pháp bảo tồn cấu trúc di sản vật thể khu di tích, gồm các di tích lịch sử - văn hóa và cảnh quan thiên nhiên có giá trị trên cơ sở các luận cứ lịch sử, khoa học và thực tế, xác định danh mục, ranh giới bảo vệ quần thể di tích thành Cổ Loa, gồm 03 vòng thành lũy (Thành Nội, Thành Trung và Thành Ngoại), cổng thành, đình, đền, điểm, miếu và các di chỉ khác, các giải pháp bảo tồn, tôn tạo cảnh quan khu vực di tích phù hợp để tôn vinh, chống xuống cấp và không làm mất đi giá trị di tích; Đề xuất giải pháp phục hồi, bảo tồn tôn tạo các cảnh quan xung quanh di tích và các giải pháp đối với khu vực lấn chiếm di tích.

- Định hướng tổ chức không gian và thiết kế đô thị: Đề xuất cơ cấu phân khu chức năng và nguyên tắc định hướng không gian tổng thể khu di tích, phù hợp với không gian tổng thể thành phố Hà Nội; Đề xuất các giải pháp khai thác không gian di tích phát triển du lịch; Đề xuất các giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan nhằm nâng cao chất lượng sống khu dân cư; Đề xuất các giải pháp không gian khu vực

sinh thái cảnh quan tự nhiên; Đề xuất các giải pháp thiết kế đô thị

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: Cải tạo, chỉnh trang hệ thống giao thông hiện có đáp ứng yêu cầu đi lại của người dân và du khách nhưng không ảnh hưởng đến công tác bảo tồn di tích. Kết nối mạng lưới giao thông hợp lý bên trong và ngoài khu di tích; Đề xuất hệ thống thoát nước, cao độ xây dựng phù hợp để giải quyết thoát nước khu di tích và các giải pháp hạ tầng kỹ thuật khác đáp ứng nhu cầu sử dụng; Đánh giá môi trường chiến lược.

Đối với Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa, nhiệm vụ Quy hoạch bao gồm: Cập nhật các nội dung đánh giá hiện trạng trong quy hoạch phân khu. Khảo sát và đánh giá thực trạng đào tạo nguồn nhân lực và công tác thông tin quảng bá, khai thác du lịch và phát triển kinh tế, xã hội. Đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo tồn và đầu tư xây dựng tại khu di tích; Xây dựng kế hoạch tổng thể đầu tư xây dựng và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa, đề xuất các nhóm giải pháp về: Đầu tư xây dựng, phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật khu di tích, đề xuất danh mục các dự án, hình thức quản lý dự án, lộ trình và tổng mức đầu tư; Danh mục các dự án liên quan đến công tác tu bổ di tích như đền bù giải phóng mặt bằng các công trình thuộc ranh giới bảo vệ di tích, các dự án tu bổ di tích, di chỉ hiện có, các dự án khảo cổ...; Danh mục các dự án bảo tồn các giá trị di sản văn hóa môi trường cảnh quan đô thị và thiên nhiên gắn liền với di tích, các giải pháp sưu tầm, phân loại hiện vật và xây dựng nội dung trưng bày.

- Xây dựng tổng thể cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, đề xuất các nhóm giải pháp về: Chương trình trọng điểm và dự án ưu tiên đầu tư; Cơ chế quản lý đầu tư đối với các di tích đã được xếp hạng và di tích khác, công tác khoanh vùng bảo vệ di tích, các dự án đầu tư xây dựng khác, nhà ở, đất đai và các hoạt động du lịch,

văn hóa và lễ hội, cơ chế thực hiện công tác giải phóng mặt bằng di dời dân cư; Chương trình hoạt động phát huy giá trị di tích và phát triển du lịch theo hướng bền vững. Định hướng loại hình du lịch, xây dựng và thiết lập hệ thống sản phẩm cho du lịch văn hóa, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng gắn với du lịch, thiết lập các tuyến du lịch, bảo vệ môi trường du lịch; Chương trình an sinh xã hội về các lĩnh vực văn hóa - giáo dục, kinh tế - việc làm; xây dựng mạng lưới đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội cho các hoạt động dân sinh và du lịch; thu hút và mở rộng sự tham gia của các tổ chức chính trị, xã hội trong quá trình xây dựng và bảo tồn; xây dựng và phát triển bộ máy tổ chức điều hành và khai thác các dịch vụ du lịch; Chương trình đào tạo nguồn nhân lực và thông tin quảng bá, đề xuất nội dung và quy mô nhân

lực tham gia, đề xuất các dự án về đào tạo nguồn nhân lực tham gia quản lý các dự án tư bổ di tích, các dự án đầu tư xây dựng thành phần trong khu di tích; kế hoạch về thông tin quảng bá phát huy giá trị di tích, phát triển du lịch; xây dựng chương trình hoạt động, đề xuất khung sáng kiến về các giải pháp tổng thể để gia tăng giá trị của di tích; Giải pháp về công tác quản lý: Đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản trong các khu vực bảo tồn di tích, khu vực dân cư, khu vực bảo vệ sinh thái nông nghiệp; đối với các hoạt động du lịch, nghiên cứu di tích; đối với hoạt động khác như văn hóa, lễ hội, dân sinh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [chinhphu.gov.vn](http://chinhphu.gov.vn))

## **Thông tư số 15/2012/TT-BKHCN quy định về tổ chức và hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

Ngày 08/8/2012, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2012/TT-BKHCN quy định về tổ chức và hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Ban liên ngành TBT). Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các thành viên Ban liên ngành TBT và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Theo Thông tư này, Ban liên ngành TBT có chức năng tham mưu, tư vấn cho Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan trong việc: Phối hợp đảm bảo thi hành các nghĩa vụ quy định trong Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại ở Việt Nam (Hiệp định TBT), đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến chính sách và cơ chế thực thi Hiệp định TBT, tham mưu giải quyết tranh chấp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phát sinh giữa Việt Nam với các nước thành viên khác của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và ngược lại; Điều phối thực hiện triển

khai Đề án thực thi Hiệp định TBT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và việc phối kết hợp với các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

Nhiệm vụ của Ban liên ngành TBT là nghiên cứu, tham mưu, đề xuất chương trình hành động và các biện pháp nhằm thực hiện những nghĩa vụ quy định trong Hiệp định TBT ở Việt Nam; Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các biện pháp nhằm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định hoặc để giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định TBT theo yêu cầu của Ủy ban hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Ủy ban TBT) của WTO và của các Bộ, ngành có liên quan; Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm bảo vệ lợi ích của Việt Nam trong quá trình thực hiện các nghĩa vụ cụ thể quy định trong Hiệp định TBT; Xem xét, tham mưu, đề xuất biện pháp nhằm xử lý các tranh chấp, khiếu nại về TBT phát sinh giữa các nước thành viên WTO với Việt Nam và ngược

lại; Xem xét và đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn liên ngành làm cơ sở cho việc thực hiện nghĩa vụ thông báo, hỏi đáp, khi có đề nghị của Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Văn phòng TBT Việt Nam); Tham gia các hoạt động của WTO theo sự chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ; Phối hợp với các cơ quan, tổ chức của các Bộ, ngành có liên quan thực hiện các dự án, đề án, chương trình và kế hoạch thực thi Hiệp định TBT; hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, địa phương trong triển khai các chương trình và dự án thực thi Hiệp định TBT ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thực hiện các nhiệm vụ tham mưu, tư vấn khác về TBT khi có yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành có liên quan.

Trưởng ban Ban liên ngành TBT là một đại diện lãnh đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ,

Phó trưởng ban là đại diện lãnh đạo Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, thành viên thư ký là Giám đốc Văn phòng TBT Việt Nam, các thành viên khác là đại diện lãnh đạo cấp Vụ hoặc tương đương của Văn phòng Chính phủ và các Bộ liên quan. Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Ban liên ngành TBT, có trách nhiệm điều phối các hoạt động của Ban liên ngành TBT thông qua Văn phòng TBT Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2012 và thay thế Quyết định số 07/2006-QĐ-BKH/CN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.gov.vn](http://www.chinhphu.gov.vn))

## **Thông tư số 127/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp**

Ngày 08/8/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 127/2012/TT-BTC hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần (tổ chức tư vấn định giá). Đối tượng áp dụng Thông tư này là các tổ chức tư vấn định giá, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Theo quy định của Thông tư này, các tổ chức tư vấn định giá trong nước đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện: Là các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp thẩm định giá có chức năng định giá và đáp ứng các điều kiện về tổ

chức và hoạt động đối với từng loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam; Có quy trình nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực hoạt động: thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp. Trong thời gian 03 năm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp, mỗi năm phải thực hiện cung cấp dịch vụ thuộc các lĩnh vực nêu trên được ít nhất 30 hợp đồng; Có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đã được Bộ Tài chính cấp thẻ thẩm định viên về giá và đăng ký hành nghề thẩm định giá chuyên trách tại doanh nghiệp;



Đáp ứng tiêu chí về số lượng, chất lượng của đội ngũ nhân viên làm việc trong các lĩnh vực, ngành nghề mà tổ chức đang hoạt động; Không bị xử phạt vi phạm hành chính với các tình tiết tăng nặng theo kết luận của cơ quan quyết định xử phạt trong lĩnh vực thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp trong vòng 05 năm liền kể trước năm đăng ký thực hiện dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp.

Theo Thông tư này, các tổ chức tư vấn định giá nước ngoài không thành lập pháp nhân tại Việt Nam chỉ được phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa khi hợp tác, liên danh với các tổ chức tư vấn định giá trong nước được Bộ Tài chính công nhận. Điều kiện để các tổ chức nước ngoài được hợp tác, liên danh với tổ chức tư vấn định giá trong nước, bao gồm: Là tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo pháp luật tại nước đặt trụ sở chính; Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp.

Việc công nhận tổ chức tư vấn định giá đăng ký lần đầu được Bộ Tài chính xem xét và công bố định kỳ hàng năm; các tổ chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện có nhu cầu trở thành tổ chức tư vấn định giá cho năm sau gửi 01 bộ hồ sơ

đến Bộ Tài chính. Thời gian nhận hồ sơ từ 01/10 đến 31/10 hàng năm. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và đề nghị doanh nghiệp bổ sung hồ sơ (nếu có). Căn cứ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Thông tư này, Bộ Tài chính xem xét hồ sơ và chấp thuận tổ chức tư vấn định giá đủ điều kiện cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Bộ Tài chính có công văn thông báo cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do từ chối.

Các tổ chức tư vấn định giá hiện đang cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp theo các Quyết định của Bộ Tài chính được phép cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để cổ phần hóa đến hết ngày 31/12/2012. Để được công nhận tổ chức tư vấn định giá cho năm 2013, các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn, điều kiện phải gửi hồ sơ tới Bộ Tài chính, chậm nhất là ngày 31/10/2012.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2012 và thay thế Quyết định số 100/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Quy chế lựa chọn và giám sát các tổ chức tư vấn định giá.

(Xem toàn văn tại: [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn))

## **Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được**

Ngày 13/8/2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất

được. Danh mục này là căn cứ để thực hiện miễn, giảm, xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 87/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thuế

xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu và Nghị định số 123/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được là hàng hóa được quy định tại một trong các Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này không phụ thuộc mục đích sử dụng, trừ hàng hóa chuyên dùng (hàng hóa

đòi hỏi phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật khi sử dụng nêu trong các chứng chỉ chuyên ngành).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/10/2012 và thay thế Thông tư số 04/2009/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng.

(Xem toàn văn tại: [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn))

### **Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT ban hành Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông**

Ngày 17/8/2012, Bộ Giao thông vận tải đã có Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT ban hành Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quy định kỹ thuật này áp dụng cho việc thi công và nghiệm thu tầng mặt bê tông xi măng (BTXM) của kết cấu áo đường cứng làm mới hoặc nâng cấp, cải tạo trong xây dựng đường ô tô, đường cao tốc và có thể tham khảo áp dụng cho tầng mặt BTXM đường đô thị và sân bay.

Quy định kỹ thuật này quy định về vật liệu, thiết bị máy móc, trình tự thi công và kiểm tra

nghiệm thu tầng mặt BTXM có hoặc không cốt thép, có hoặc không lưới thép đổ tại chỗ trên lớp móng đã được hoàn tất.

Quy định kỹ thuật này áp dụng cho việc xây dựng tầng mặt BTXM bằng cơ giới, bao gồm các khâu chủ yếu: vận chuyển, san rải, đầm lèn, tạo phẳng, cắt khe và tạo nhám. Có thể sử dụng kết hợp các loại thiết bị để thi công tầng mặt BTXM theo công nghệ thi công liên hợp, công nghệ ván khuôn ray, công nghệ ván khuôn trượt, công nghệ thi công đơn giản.

(Xem toàn văn tại: [www.mt.gov.vn](http://www.mt.gov.vn))

### **VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

### **Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

Ngày 31/7/2012, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến

năm 2025.

Theo đó, Quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị tỉnh Kon Tum (Quy hoạch) tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, phục vụ mục tiêu công

nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trên địa bàn tỉnh. Việc hình thành và phát triển hệ thống đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 phải bảo đảm: Phát triển và phân bố hợp lý trên địa bàn tỉnh, tạo ra sự phát triển cân đối giữa các vùng kinh tế động lực và các tiểu vùng huyện. Coi trọng mối liên kết đô thị - nông thôn; nâng cao chất lượng đô thị, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; Phát triển ổn định, bền vững, trên cơ sở tổ chức không gian phù hợp, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng; bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với điều kiện của đô thị miền núi, theo yêu cầu khai thác, sử dụng và chương trình phát triển của mỗi đô thị; Kết hợp chặt chẽ với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội; đối với các đô thị dọc hành lang biên giới phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ và giữ vững chủ quyền quốc gia.

Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch nhằm tổ chức hệ thống các đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; Từng bước xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đô thị tỉnh Kon Tum có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại; có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt; có nền kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc; có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nguyên, góp phần thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Theo Quy hoạch này, đến năm 2015 đảm bảo các huyện hình thành đô thị loại V để làm hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội cho vùng huyện. Thành phố Kon Tum đạt 70% mức tiêu chuẩn của đô thị loại II (vùng cao, vùng sâu, biên giới); nâng cấp thị trấn Plei Kần lên đô thị loại IV và thành lập thị xã Ngọc Hồi; Đến năm 2020: Từng bước hình thành các đô thị chuyên ngành tại các vùng Tây Bắc và phía Đông, gắn

với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và Khu du lịch sinh thái Măng Đen. Phấn đấu xây dựng thành phố Kon Tum đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trước năm 2020; Đến năm 2025: Từng bước hình thành chuỗi đô thị được phân bố hợp lý theo các tuyến, trục giao thông chính, nhất là dọc theo tuyến biên giới và Trục hành lang kinh tế Đông - Tây nối 08 tỉnh của 03 nước Việt Nam - Lào và Thái Lan. Phấn đấu nâng cấp thị trấn Đăk Tô và thị trấn Đăk Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Theo Quy hoạch, đến năm 2015 dân số đô thị tỉnh Kon Tum được dự báo đạt 235.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 46,1%; Đến năm 2020, dân số đô thị đạt khoảng 520.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 53,3%; Đến năm 2025, dân số đô thị toàn tỉnh đạt 520.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 76,5%.

Trong giai đoạn 2012-2015, toàn tỉnh Kon Tum có 09 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại III là thành phố Kon Tum; 01 đô thị loại IV là thị xã Ngọc Hồi; 07 đô thị loại V là các thị trấn: Đăk Glei huyện Đăk Glei, Đăk Tô huyện Đăk Tô, Đăk Hà huyện Đăk Hà, Sa Thầy huyện Sa Thầy, Đăk Rơ Ve huyện Kon Rẫy và các đô thị mới: Kon Plông huyện Kon Plông, Đăk Tân huyện Kon Rẫy.

Giai đoạn 2016-2020 có 12 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II là thành phố Kon Tum - Thành phố thuộc tỉnh; 01 đô thị loại IV là thị xã Ngọc Hồi; 10 đô thị loại V là các thị trấn: Đăk Glei, Đăk Tô, Đăk Hà, Sa Thầy, Đăk Rơ Ve, Kon Plông, Đăk Tân và các đô thị mới: Tu Mơ Rông huyện Tu Mơ Rông, Mô Rai huyện mới Mô Rai, Đăk Hring huyện Đăk Hà.

Giai đoạn 2021-2025 có 19 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại II là thành phố Kon Tum và đô thị Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y - Đô thị chuyên ngành; 04 đô thị loại IV là: Thị xã Đăk Tô, thị xã Đăk Hà, thị xã Ngọc Hồi (nằm trong Khu đô thị cửa khẩu quốc tế Bờ Y) và đô thị Khu du lịch sinh thái Măng Đen; 13 đô thị loại V là các thị trấn: Đăk Glei, Sa Thầy, Đăk Rơ Ve,

Kon Plông, Đăk Tân, Tu Mơ Rông, Mô Rai, Đăk Hring và các đô thị mới: Đăk Môn huyện Đăk Glei, Chư Mom Ray huyện Sa Thầy, Đăk Tăng và Hiếu thuộc huyện Kon Plông và Văn Xuôi thuộc huyện Tu Mơ Rông.

Về nhu cầu đất quy hoạch xây dựng đô thị, đến năm 2020, quy mô đất đai quy hoạch xây dựng đô thị cả tỉnh khoảng 197 ha, đến năm 2025 vào khoảng 16.650 ha. Quy mô của từng đô thị sẽ được cụ thể hóa tại quy hoạch chung của từng đô thị, phù hợp với tính chất và các giai đoạn phát triển.

Quy hoạch đề ra định hướng tổ chức phát triển mạng lưới đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, bao gồm: Phát triển đô thị theo các vùng kinh tế động lực, theo các trục giao thông chính và theo chức năng đô thị. Trong Vùng Trung tâm lấy thành phố Kon Tum là hạt nhân, làm động lực thúc đẩy phát triển cho các đô thị thuộc các huyện Đăk Hà, Sa Thầy và Đăk Tân thuộc huyện Kon Rẫy. Vùng Tây Bắc lấy thị xã Ngọc Hồi là hạt nhân, làm động lực thúc đẩy phát triển cho các đô thị: Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và đô thị các huyện Đăk Glei, Đăk Tô, Mô Rai; Vùng phía Đông lấy Khu du lịch sinh thái Măng Đen là hạt nhân, làm động lực thúc đẩy phát triển

cho các đô thị các huyện Kon Plông, Kon Rẫy và Tu Mơ Rông.

Về lộ trình thực hiện Quy hoạch, trong giai đoạn đến 2015, tỉnh Kon Tum sẽ ưu tiên phát triển đô thị trong các vùng kinh tế động lực của tỉnh; đầu tư cơ sở hạ tầng cho thành phố Kon Tum đạt 70% mức tiêu chuẩn của đô thị loại II (vùng cao, vùng sâu, biên giới); nâng cấp thị trấn Plei Kần lên đô thị loại IV và thành lập thị xã Ngọc Hồi; đầu tư phát triển các huyện ly mới để tiến tới thành lập thị trấn; Giai đoạn 2016-2020 sẽ ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng thành phố Kon Tum để đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trước năm 2020; dành nguồn lực phù hợp để đầu tư, phát triển các huyện ly mới được thành lập và các đô thị mới dọc tuyến đường Hồ Chí Minh để tạo động lực phát triển cho vùng huyện; Giai đoạn 2021-2025: Tập trung nâng cấp thị trấn Đăk Tô, Đăk Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; phát triển các đô thị mới theo tuyến biên giới, trục giao thông chính để tạo chuỗi đô thị liên kết phát triển và phân bố cơ bản hợp lý trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [chinhphu.gov.vn](http://chinhphu.gov.vn))

**Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý, thu hồi vốn ngân sách thành phố đầu tư tại các dự án cấp nước hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện bàn giao cho các đơn vị quản lý, khai thác sử dụng sau đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Ngày 14/8/2012, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, thu hồi vốn ngân sách thành phố đầu tư tại các dự án cấp nước hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện bàn giao cho các đơn vị quản lý, khai thác sử dụng

sau đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội (gọi tắt là Quy định). Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quy định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cá nhân, các đơn vị có liên quan trong việc thu hồi vốn ngân

sách Thành phố đầu tư tại các dự án cấp nước hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện bàn giao cho các đơn vị quản lý, khai thác sử dụng sau đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối tượng áp dụng của Quy định bao gồm: Các dự án đầu tư hoặc hạng mục về cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt sau đầu tư bàn giao cho các doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác kinh doanh phải thu hồi; Các dự án đầu tư trong các lĩnh vực đầu tư công có các trạm biến áp và đường dây nối từ mạng phân phối chung vào trạm biến áp sau đầu tư bàn giao cho các doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác kinh doanh phải thu hồi; Các hạng mục điện là trạm biến áp và đường dây nối từ mạng phân phối chung vào trạm biến áp được UBND thành phố (hoặc các sở, ngành được ủy quyền) quyết định đầu tư sau ngày có hiệu lực của Luật Điện lực và các dự án, hạng mục cấp nước được UBND thành phố (hoặc các sở, ngành được ủy quyền) quyết định đầu tư sau ngày có hiệu lực của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch sau đầu tư bàn giao cho các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành kinh doanh phải thu hồi phần vốn ngân sách đã đầu tư. Riêng đối với trường hợp các hạng mục điện là trạm biến áp và đường dây nối từ mạng phân phối chung vào trạm biến áp hoặc các dự án, hạng mục cấp nước được ứng từ ngân sách Thành phố thì các đơn vị nhận quản lý, khai thác kinh doanh sau đầu tư phải thực hiện hoàn trả số vốn ngân sách đã ứng vào ngân sách Thành phố theo quy định.

Về nguyên tắc đầu tư, thực hiện đầu tư và thu hồi vốn đầu tư, Quyết định này quy định: Các dự án đầu tư về sản xuất kinh doanh nước sạch hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện thuộc các dự án trong lĩnh vực đầu tư công có sử dụng vốn ngân sách thành phố Hà Nội đầu tư phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch xây dựng đô thị, bảo

đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và các quy định liên quan của UBND Thành phố do UBND Thành phố quyết định đầu tư hoặc ủy quyền Giám đốc các sở chuyên ngành quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Các chủ đầu tư thực hiện đầu tư dự án xây dựng công trình phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Thành phố, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm và bảo đảm chất lượng công trình. Đối với những dự án đầu tư mới trước khi trình phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận bằng văn bản với Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội, doanh nghiệp cấp nước trên địa bàn để được thống nhất về quy mô, phương án đầu tư, nguồn kinh phí xây dựng và quản lý khai thác theo Luật Điện lực, các văn bản về quản lý kinh doanh nước sạch để làm cơ sở cho việc thu hồi vốn đầu tư hoặc thực hiện theo nguyên tắc ngành điện lực Thành phố, các công ty kinh doanh nước sạch vay vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố và hoàn trả theo quy định, Thành phố hỗ trợ lãi suất; Công trình đầu tư xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư khẩn trương tổ chức bàn giao đưa vào khai thác sử dụng hoặc bàn giao cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định để tổ chức vận hành, khai thác kinh doanh nhằm phát huy hiệu quả của vốn đầu tư. Các doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác kinh doanh sau đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn ngân sách Thành phố đã đầu tư theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; Số vốn được thu hồi là toàn bộ số vốn ngân sách Thành phố đã đầu tư trên cơ sở quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền.

Theo Quyết định này, số vốn thu hồi ngân sách hàng năm được xác định trên cơ sở số vốn ngân sách của Thành phố đã đầu tư và đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật chia đều cho số năm thực hiện việc hoàn trả ngân sách theo chế độ

khấu hao tài sản do Bộ Tài chính ban hành.

Đối với các dự án cung cấp nước sạch hoặc hạng mục cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng dân cư: số vốn thu hồi ngân sách theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư; giá trị phê duyệt quyết toán với số vốn ngân sách đã cấp phát thanh toán đồng thời xác định rõ đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư và hoàn trả vốn đầu tư.

Đối với hạng mục trạm biến áp thuộc từng dự án: số vốn thu hồi ngân sách theo giá trị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt. Việc phê duyệt quyết toán phải ghi rõ giá trị hạng mục trạm biến áp và đường nối từ mạng phân phối chung vào trạm biến áp đồng thời xác định rõ đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư và hoàn trả vốn đầu tư.

Các cá nhân, các đơn vị sau khi nhận bàn giao công trình đưa vào vận hành, khai thác phải thực hiện xây dựng kế hoạch hoàn trả khoản vốn ngân sách đã đầu tư từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành.

Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố là cơ quan quản lý khoản vốn thu hồi thực hiện tiếp nhận vốn; Ký hợp đồng ghi nhận nợ với các doanh nghiệp tiếp nhận tài sản hình thành sau đầu tư để quản lý, vận hành khai thác; Đơn đốc và thu hồi vốn hoàn trả ngân sách đối với các dự án đã được giao trên cơ sở quyết định phê duyệt quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

**(Xem toàn văn tại: [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))**

**Nghiệm thu đề tài:**  
**“Nghiên cứu phương pháp xác định độ dài thời gian xây dựng công trình hợp lý cho một số công trình xây dựng dân dụng phổ biến (nhà ở, văn phòng, trường học) phù hợp với điều kiện Việt Nam”**

Chiều ngày 22/8/2012, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài «Nghiên cứu phương pháp xác định độ dài thời gian xây dựng công trình (XDCT) hợp lý cho một số công trình xây dựng dân dụng phổ biến (nhà ở, văn phòng, trường học) phù hợp với điều kiện Việt Nam» - mã số RD 04 - 09 do Viện Kinh tế Xây dựng thực hiện. Cuộc họp diễn ra dưới sự chủ trì của TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu.

Theo báo cáo của ThS. Nguyễn Tấn Vinh – phó chủ nhiệm đề tài - vấn đề thời gian đối với các dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam cho tới nay vẫn còn khá nan giải. Tuy đã có nhiều văn bản về nội dung này được tập hợp trong các giáo trình dành cho học sinh, sinh viên chuyên ngành xây dựng, song các giáo trình này còn nặng về tính học thuật, thiếu tính ứng dụng vào thực tiễn xây dựng của Việt Nam. Trong đầu tư xây dựng, thời gian là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả công trình; song trên thực tế, yếu tố này nhiều khi lại nặng tính áp đặt của chủ đầu tư hoặc nhà tư vấn xây dựng. Do đó, việc nghiên cứu đề tài là rất cần thiết, nhằm hệ thống hóa cơ sở khoa học đã có trước đây về độ dài thời gian XDCT hợp lý, và trên cơ sở đó đề xuất được các phương án, định mức thời gian cụ thể cho từng loại công trình (đề tài giới hạn trong phạm vi hẹp là các công trình dân dụng – quy mô không lớn; kết cấu đơn giản). Với việc tham khảo kinh nghiệm một số quốc gia và tổ chức tư vấn cơ uy tín trên thế giới, kết



*Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng*

hợp với các phương pháp định tính và định lượng, phương pháp tổng hợp trong quá trình thực hiện; nhóm tác giả đã hoàn thành sản phẩm đề tài, nội dung gồm 3 chương và các phần kiến nghị, đề xuất, phụ lục kèm theo; trong đó có đề xuất 7 phương pháp trên cơ sở các nghiên cứu: độ dài thời gian XDCT được xác định trên cơ sở hiệu chỉnh thời gian một công trình cụ thể khi lập dự án đầu tư; sử dụng chỉ tiêu định mức thời gian XDCT; xác định theo tổng tiến độ của các công tác chủ yếu; xác định độ dài thời gian hợp lý theo quan hệ với chi phí xây dựng; xác định theo số liệu thống kê; xác định theo kinh nghiệm chuyên gia; phương pháp kết hợp.

Ý kiến đóng góp của các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều thống nhất: đề tài là một công trình khoa học nghiêm túc, thiết thực đối với tình hình xây dựng của Việt Nam hiện nay, bởi thời gian luôn là một tiêu chí quan trọng đối với các dự án đầu tư xây dựng, có ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí xây dựng, hiệu quả

vốn đầu tư. Tuy nhiên, nhóm tác giả cần lưu ý làm rõ hơn một số khái niệm, thuật ngữ; kiểm chứng lại một số công thức tính toán bằng các số liệu thực tế để xác định mức độ chính xác của kết quả tính theo công thức; bổ sung thêm ví dụ minh họa cụ thể kèm chú thích rõ ràng; bổ sung thêm vấn đề năng lực nhà thầu vì yếu tố này cũng ảnh hưởng tới thời gian XDCT... Các thành viên Hội đồng đều nhất trí: đề tài sau khi được hoàn thiện sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà đầu tư, nhà thầu xây dựng,

nhà tư vấn, các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng...

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu – TS. Nguyễn Trung Hòa bày tỏ sự đồng tình với các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm tác giả nghiêm túc tiếp thu các ý kiến, bổ sung hoàn chỉnh đề tài trong thời gian sớm nhất.

Đề tài được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

## **Nghiệm thu đề tài:**

### **“Hoàn thiện công nghệ tái chế phế thải phá dỡ công trình làm cốt liệu cho xây dựng”**

Ngày 24/8/2012, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Hoàn thiện công nghệ tái chế phế thải phá dỡ công trình làm cốt liệu cho xây dựng” mã số MT 09 - 09 do Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Lê Việt Hùng - chủ nhiệm đề tài - cùng với đà tăng trưởng kinh tế và mật độ đô thị của Việt Nam ngày càng lớn, lượng phế thải xây dựng (PTXD) tại các đô thị cũng gia tăng, đặt ra bài toán khó về chi phí vận chuyển và diện tích đất để chôn lấp PTXD. Tại Hà Nội, chỉ có một lượng nhỏ PTXD được sử dụng để san lấp mặt bằng, còn lại được vận chuyển tới các bãi rác để chôn lấp, gây nên tình trạng quá tải tại các bãi rác này. Vấn đề tái chế và tái sử dụng PTXD từ lâu đã khá phổ biến trên thế giới, đặc biệt tại những nước phát triển.

Tận dụng nguồn PTXD để tái chế thành các loại cốt liệu sử dụng cho xây dựng sẽ mang lại hiệu quả không chỉ về mặt bảo vệ môi trường mà còn về các mặt kinh tế - xã hội, do tận dụng được nguồn nguyên liệu thay thế một phần đá xây dựng, và giảm được cự ly vận chuyển. Để triển khai tái chế PTXD trên quy mô công



*ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu phát biểu kết luận cuộc họp*

nh nghiệp tại Việt Nam, sau khi thực hiện đề tài “Nghiên cứu sử dụng phế thải phá dỡ công trình làm bê tông và vữa xây dựng” - mã số MT 27-07, Viện VLXD được Bộ Xây dựng giao chủ trì tiếp dự án sản phẩm “Hoàn thiện công nghệ tái chế phế thải phá dỡ công trình làm cốt liệu cho xây dựng” với tính chất là một dự án đầu tư; mục tiêu cuối cùng là chuyển giao công nghệ, dây chuyền sản xuất PTXD công nghiệp, phổ biến công nghệ tái chế, sử dụng cốt liệu tái chế sản xuất VLXD rộng rãi trong cả nước.

Trong quá trình thực hiện dự án, nhóm tác giả đã phối hợp cùng Công ty Cơ điện công trình thuộc UBND thành phố Hà Nội lắp đặt và thử nghiệm dây chuyền sản xuất tái chế PTXD



công suất 40m<sup>3</sup>/h, tạo ra sản phẩm cốt liệu tái chế cho sản xuất bê tông, gạch không nung và vật liệu cho xây dựng đường giao thông, bước đầu đáp ứng cho sản xuất các sản phẩm gạch block bê tông, gạch lát nền, cấu kiện bê tông đúc sẵn. Các sản phẩm thử nghiệm sử dụng cốt liệu tái chế (gạch block bê tông, gạch bê tông tự chèn) đều đạt yêu cầu về tính chất cơ lý, đáp ứng các thông số kỹ thuật theo TCVN hiện hành, ngoại hình hoàn thiện tương tự như sản phẩm cốt liệu tự nhiên.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của dự án, nhóm tác giả đã xây dựng “Hướng dẫn công nghệ sản xuất tái chế PTXD và sử dụng sản phẩm cốt liệu tái chế”. Theo Hướng dẫn, công nghệ sản xuất tái chế PTXD thành cốt liệu cho xây dựng cơ bản tương tự dây chuyền sản xuất đá dẫn xây dựng thông thường. Tuy vậy, dây chuyền tái chế PTXD cần được lắp thêm một số thiết bị và có thêm công đoạn để loại bỏ các tạp chất, vật liệu ngoại lai. Về vấn đề ảnh hưởng môi trường của sản xuất tái chế PTXD, bụi phát sinh trong quá trình sản xuất là rất lớn, vượt xa so với tiêu chuẩn nồng độ bụi công nghiệp cho phép (gấp 2 -10 lần tùy từng vị trí), do vậy dây chuyền tái chế PTXD cần có biện pháp giảm bụi.

Qua nghiên cứu khảo sát thực tế, nhóm tác giả đã đề xuất lắp đặt hệ thống phun sương khử bụi – phương pháp đơn giản nhưng rất hiệu quả. Vòi phun sương được đặt ở những vị trí phát sinh nhiều bụi (thường là nơi chuyển tiếp vật liệu; các máy nghiền, đập vật liệu) giúp giảm được 70 - 80% lượng bụi.

Nhóm tác giả cũng đã đưa ra bảng chiết tính giá thành sản phẩm cốt liệu tái chế, chi phí sản xuất sản phẩm sử dụng cốt liệu tái chế và cốt liệu tự nhiên để so sánh hiệu quả kinh tế của dây chuyền tái chế PTXD; đề xuất một số cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất tái chế PTXD: có thể lựa chọn mô hình đầu tư, công suất và công nghệ thích hợp cho các dây chuyền tái chế để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Chẳng hạn, thay vì đầu tư các trung tâm tái chế lớn cố định, có thể chọn mô hình các dây chuyền nhỏ, cơ động có thể di dời lắp đặt trực tiếp tại các công trường để giảm chi phí vận chuyển vật liệu... Để nâng cao tính hiệu quả kinh tế và khả năng hoạt động trong thời gian nguồn nguyên liệu cung cấp không ổn định, các trung tâm tái chế PTXD có thể kết hợp sản xuất tại chỗ các sản phẩm sử dụng cốt liệu tái chế như các cấu kiện bê tông đúc sẵn; gạch block xây tường hay lát nền, vỉa hè; vữa xây dựng... có sử dụng các loại phế thải công nghiệp khác như tro bay, tro xỉ, vôi bột...

Các báo cáo phản biện và các ý kiến của thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính khả thi, tính kinh tế của dự án, thể hiện sự nghiêm túc và khoa học của nhóm tác giả khi thực hiện dự án này.

Tuy nhiên, vì đây là báo cáo của một dự án, nên các thành viên Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến cho nhóm tác giả về bố cục, câu chữ; về định hướng chuyển giao công nghệ cho các cơ sở sản xuất; về việc đánh giá cụ thể nguyên liệu đầu vào, các định mức tiêu hao, chi phí đầu tư do thị trường luôn biến động...

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu – ThS. Trần Đình Thái đã bày tỏ sự nhất trí cao với các ý kiến phản biện cũng như ý kiến của các thành viên Hội đồng. Theo ThS. Trần Đình Thái, mục tiêu dự án đã đạt được, công nghệ này cần sớm được chuyển giao để triển khai thực hiện rộng rãi, góp phần giải quyết bài toán rác thải XD phức tạp hiện nay. Vấn đề là để dự án được nhanh chóng ứng dụng vào thực tế - ThS. Trần Đình Thái nhấn mạnh - rất cần có sự hỗ trợ từ các Bộ, ngành TW và từ ngân sách trong việc cấp đất cho dự án và trong việc xử lý rác...

Hội đồng nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá.

**Lệ Minh**

## **Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Sa Pa mở rộng là đô thị loại IV**

Ngày 16/8/2012 tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Sa Pa mở rộng huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai là đô thị loại IV.

Dự Hội nghị có ông Nguyễn Thanh Dương - Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai, lãnh đạo các Sở, ban ngành của tỉnh, Đảng bộ và chính quyền huyện Sa Pa và thị trấn Sa Pa; đại diện các Bộ ngành ở trung ương, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các Hiệp hội và Hội nghề nghiệp và các chuyên gia.

Theo Đề án đề nghị công nhận thị trấn Sa Pa mở rộng là đô thị loại IV do đại diện UBND huyện Sa Pa trình bày tại hội nghị, thị trấn Sa Pa là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá của huyện Sa Pa, là đô thị du lịch nghỉ dưỡng và du lịch khám phá tầm cỡ quốc gia và quốc tế mang đậm bản sắc cảnh quan thiên nhiên, văn hoá bản địa và di sản kiến trúc, là cầu nối giao thương và vùng nghiên cứu ứng dụng nông, lâm nghiệp công nghệ cao và cung cấp nông sản phục vụ du lịch. Là một trong hai đô thị trung tâm của tỉnh Lào Cai, Sa Pa nổi tiếng với nhiều tiềm năng về cảnh quan, địa hình, văn hoá.... tạo nên các sản phẩm du lịch đặc sắc. Thị trấn Sa Pa mở rộng có diện tích 4.637 ha, dân số 22.558 người.

Việc nâng loại thị trấn Sa Pa lên đô thị loại IV là phù hợp với định hướng quy hoạch quốc gia đối với vùng biên giới Việt - Trung và Chương trình phát triển mạng lưới đô thị của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2010 - 2015 cũng như các nghị quyết, chiến lược, kế hoạch và định hướng phát triển đô thị của tỉnh Lào Cai và huyện Sa Pa.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của tỉnh Lào Cai, Đảng bộ, chính quyền và



*Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu kết luận Hội nghị*

nhân dân huyện Sa Pa và thị trấn Sa Pa đã tập trung đầu tư bằng mọi nguồn lực, quyết tâm xây dựng và phát triển thị trấn và đã đạt được những thành tựu rõ nét, từng bước cải thiện môi trường cảnh quan, nâng cao chất lượng sống của người dân đô thị. Thị trấn Sa Pa với mục tiêu phát triển thành đô thị xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường được đầu tư xây dựng xứng đáng với vị thế đô thị du lịch nổi tiếng trong nước và quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Năm 2011, Thị trấn đạt được các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tích cực. Tổng thu ngân sách năm đạt 59,366 tỷ đồng, cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người đạt 28,6 triệu đồng/năm gấp 1,06 lần thu nhập bình quân cả nước; tỷ lệ hộ nghèo là 19,31%. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm đạt 1,646%; mật độ dân số khu vực tập trung dân cư là 6.208 người/km<sup>2</sup>. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là 63,98%. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần đây đạt 15,37%.

Do được quan tâm tập trung đầu tư đúng mức, hệ thống hạ tầng đô thị của Thị trấn đã có bước phát triển tích cực. Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 12,02 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố và bán kiên cố khu vực tập

trung dân cư là 90,59%. Tỷ lệ đất công trình công cộng cấp khu ở đạt 1,82 m<sup>2</sup>/người, đất dân dụng đạt 70,61 m<sup>2</sup>/người, đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị là 3,88 m<sup>2</sup>/người.

Hệ thống hạ tầng giao thông được xây dựng đồng bộ nhằm phục vụ cho đời sống của người dân và hoạt động du lịch. Thị trấn là đầu mối giao thông cấp tỉnh. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đạt 10,33%; mật độ đường chính khu vực: 4,31 km/km<sup>2</sup>; chỉ tiêu đất giao thông: 6,97 m<sup>2</sup>/người.

Thị trấn đã xây dựng không gian cây xanh, hệ thống cấp nước sạch, thoát nước và chiếu sáng nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân. Chỉ tiêu cấp nước đạt 110,83 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ dân số thị trấn được cấp nước sạch là 93,29%; tỷ lệ thất thoát nước là 21%. Mật độ đường cống thoát nước chính là 2,94 km/km<sup>2</sup>; tỷ lệ thoát nước thải sinh hoạt được xử lý: 30%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý nước thải là 82%. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng là 95%; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng là trên 75%. Đất cây xanh đô thị đạt 73,58 m<sup>2</sup>/người; đất cây xanh công cộng khu vực: 15,23 m<sup>2</sup>/người. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 90%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp hợp vệ sinh, xử lý đốt, tái chế: 25%.

Báo cáo Đề án cho thấy về cơ bản thị trấn Sa Pa mở rộng đã đạt các tiêu chuẩn quy định của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị. Tuy nhiên còn một số tiêu chí liên quan quy mô dân số, hạ tầng đô thị còn yếu. Để khắc phục những tồn tại nêu trên, trong những năm tới Thị trấn tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt mà nội dung chính của Chương trình sẽ là tập trung phát triển kinh tế, chú trọng thu hút đầu tư, lao động và nguồn nhân lực, phát triển tiềm năng du lịch, dịch vụ và quản lý tốt quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng bằng việc thực hiện hiệu quả một số biện pháp đẩy mạnh



*Toàn cảnh Hội nghị*

phát triển đô thị nhằm phấn đấu đưa thị trấn Sa Pa đạt vững chắc tiêu chí đô thị loại IV, tạo tiền đề xây dựng Thị trấn trở thành đô thị trung tâm của huyện, phát triển thành thị xã trong tương lai hướng tới vai trò đô thị trung tâm Vùng phía Bắc tỉnh Lào Cai.

Phát biểu đóng góp ý kiến cho Đề án, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá cao việc chuẩn bị Đề án. Đề án được chuẩn bị công phu, trình bày rõ ràng, mạch lạc; các hồ sơ và thủ tục đều đã được thực hiện đầy đủ; về cơ bản thị trấn Sa Pa mở rộng đã đạt được các tiêu chí của đô thị loại IV. Bên cạnh đó, các ý kiến đóng góp cũng đã nêu lên những mặt còn yếu, phân tích nguyên nhân của những tồn tại và góp ý với Thị trấn về một số biện pháp cần lưu ý thực hiện để nhanh chóng khắc phục các tiêu chí còn yếu và nhất là bảo đảm điều kiện cho thị trấn đạt được các tiêu chí ở mức cao hơn trong quá trình phấn đấu trở thành thị xã trong tương lai và một trung tâm du lịch nổi tiếng của Việt Nam.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị - Chủ tịch Hội đồng thẩm định biểu dương những thành tựu mà thị trấn Sa Pa đã đạt được trong quá trình phấn đấu đạt các tiêu chí của đô thị loại IV. Thứ trưởng nhất trí với các ý kiến nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định và cho biết Hội đồng đánh giá cao những kết quả mà thị trấn Sa Pa đã đạt được và nhất trí công nhận Thị trấn đã

đạt được các tiêu chí của đô thị loại IV.

Thứ trưởng đề nghị lãnh đạo tỉnh Lào Cai, huyện và thị trấn Sa Pa quan tâm chỉ đạo thực hiện các chương trình, kế hoạch để nhanh chóng khắc phục và hoàn thiện các tiêu chí còn yếu và nhấn mạnh với những mục tiêu phát triển đô thị của mình Thị trấn cần phải đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch đã đặt ra để đạt được các tiêu chí đô thị cao hơn. Đồng thời, Thứ trưởng đề nghị tỉnh Lào Cai, huyện và thị trấn Sa Pa quan tâm việc nâng cao chất lượng quy hoạch, đảm bảo khai thác tốt các tiềm năng và lợi thế, thực hiện tốt hơn công tác thiết kế đô thị, giữ gìn và bảo vệ môi trường cảnh quan; tăng cường chất lượng các công trình kiến trúc, xây dựng công trình kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hoá địa phương; nâng cao đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của người dân đặc biệt là đồng bào dân

tộc; xây dựng và triển khai thực hiện tốt hơn Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan để Quy chế thực sự là một công cụ cho công tác quản lý đô thị; thực hiện tốt hơn công tác quốc phòng, an ninh.

Thứ trưởng đề nghị tỉnh Lào Cai có chương trình rà soát công tác phát triển đô thị trong tỉnh để từ đó xây dựng chính sách, kế hoạch tập trung và phân bổ đầu tư cho công tác phát triển đô thị để hệ thống đô thị của tỉnh thực sự trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Được công nhận là đô thị loại IV, thị trấn Sa Pa sẽ có thêm thế và lực mới cho sự phát triển trong giai đoạn mới, làm cơ sở cho việc định hướng đầu tư xây dựng Sa Pa xứng tầm với đô thị loại IV, đô thị du lịch cấp quốc gia và quốc tế.

**Huỳnh Phước**

## **Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Phước An là đô thị loại IV**

Ngày 27/8/2012 tại Bộ Xây dựng Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk là đô thị loại IV.

Dự Hội nghị có ông Lâm Tử Đoàn - Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk, đại diện của Đảng bộ và UBND huyện Krông Pắc và thị trấn Phước An, các Bộ: Quốc phòng, Nội vụ, Kế hoạch - Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; các hiệp hội và hội: Tổng Hội Xây dựng Việt Nam, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, Hiệp hội Các đô thị Việt Nam, Hội Chiếu sáng đô thị Việt Nam, các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng: Cục Phát triển đô thị, Vụ Kiến trúc - quy hoạch, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ KHCN và môi trường.

Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã xem xét báo cáo Đề án đề nghị công nhận thị trấn Phước An là đô thị loại IV do UBND huyện

Krông Pắc trình bày, nghe nhận xét của các chuyên gia phản biện và ý kiến đánh giá của các Ủy viên Hội đồng thẩm định.

Theo Đề án đề nghị công nhận thị trấn Phước An là đô thị loại IV, Thị trấn là huyện lỵ của huyện Krông Pắc, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và khoa học kỹ thuật của huyện.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Thị trấn đã khẳng định vị trí chiến lược, vai trò quan trọng về mọi mặt đối với sự phát triển của khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk. Thị trấn có vị trí địa lý khá thuận lợi trong khu vực vùng phía Đông của tỉnh, nối liền với trung tâm các huyện Krông Bông, EaKar, MĐrăk và thành phố Buôn Mê Thuột bởi hệ thống quốc lộ và tỉnh lộ, do đó rất thuận lợi trong giao lưu kinh tế - xã hội, thương mại, dịch vụ, du lịch,... ; là trung tâm sản xuất nông nghiệp khu vực phía Đông, đồng thời cũng là nơi có nguồn nguyên liệu nông lâm sản

đổi dào có thể phát triển mạnh ngành công nghiệp chế biến.

Hướng tới mục tiêu đạt các tiêu chí của đô thị loại IV, trong những năm qua được sự quan tâm và chỉ đạo của tỉnh, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Krông Pắc và thị trấn Phước An đã phát huy nội lực, tập trung các nguồn lực xây dựng Thị trấn vươn lên mạnh mẽ, đạt nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khẳng định vị trí trung tâm vùng phía Đông của tỉnh. Năm 2010 Thị trấn đã đạt được các chỉ tiêu kinh tế - xã hội sau: Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 23,17 tỷ đồng; cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người bằng 0,751 mức thu nhập bình quân trong cả nước; tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần đây đạt 12,17%; tỷ lệ hộ nghèo: 7,16%; dân số thị trấn đạt 25.120 người trong đó dân số nội thị là 20.049 người; tỷ lệ tăng dân số hàng năm: 1,47%; tỷ lệ đô thị hoá đạt 79,81%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là 73,25%.

Hệ thống hạ tầng đô thị được đầu tư xây dựng đồng bộ góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân đô thị. Diện tích sàn bình quân khu vực nội thị đạt 12,39 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố và bán kiên cố: 94,66%; đất dân dụng: 74,54 m<sup>2</sup>/người; đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị: 4,84 m<sup>2</sup>/người; đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở: 4,36 m<sup>2</sup>/người. Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch: 86,7%; tỷ lệ thất thoát nước: 23%. Tỷ lệ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị: 2,88 km/km<sup>2</sup>; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý: 10%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới được xây dựng có trạm xử lý nước thải: 70%. Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom đạt 82,2%, tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được chôn lấp hợp vệ sinh: 70%. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 12,99%; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng là 30%.

Hệ thống giao thông được quan tâm đầu tư

xây dựng đáp ứng yêu cầu là đầu mối giao thông, giao lưu trong vùng tỉnh, có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội đối với tỉnh Đắk Lắk nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung. Tỷ lệ đất giao thông nội thị so với đất xây dựng nội thị đạt 13,07%; mật độ đường trong khu vực nội thị: 10,53 km/km<sup>2</sup>; tỷ lệ đất giao thông/dân số nội thị là 14,52 m<sup>2</sup>/người.

Hệ thống cây xanh đô thị đã được đầu tư xây dựng. Đất cây xanh đô thị đạt 4,27 m<sup>2</sup>/người; đất cây xanh công cộng cấp đô thị là 4,43 m<sup>2</sup>/người.

Báo cáo Đề án cho thấy đến nay Thị trấn đã cơ bản hội đủ các điều kiện cần thiết vì vậy việc công nhận Thị trấn là đô thị loại IV vừa là sự phản ánh đầy đủ vị thế, thực tiễn phát triển của Thị trấn vừa là mong muốn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Krông Pắc, thị trấn Phước An sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu.

Ý kiến của các chuyên gia phản biện và của các thành viên Hội đồng thẩm định đều nhất trí việc thị trấn Phước An đã đạt được các tiêu chí của đô thị loại IV. Các ý kiến góp ý cũng đã chỉ ra các mặt còn yếu của Thị trấn được thể hiện qua các tiêu chí và khuyến nghị các biện pháp giúp Thị trấn nhanh chóng khắc phục các mặt còn yếu đó.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị - Chủ tịch Hội đồng thẩm định cho biết ý kiến của Hội đồng thẩm định là nhất trí công nhận thị trấn Phước An là đô thị loại IV; Đề án đã được chuẩn bị đầy đủ, bám sát các yêu cầu về phân loại đô thị nêu tại Nghị định 42/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 34/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc phân loại đô thị. Hội đồng đã nhận xét, đánh giá khách quan, trên tinh thần trách nhiệm, nêu bật các thành tựu, kết quả mà Thị trấn đã đạt được đồng thời cũng đã phân tích những hạn chế, tồn tại mà Thị trấn cần có các biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

Đồng thời Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cũng đề nghị tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo huyện Krông

Pắc và thị trấn Phước An lập và thực hiện các chương trình, dự án để nhanh chóng khắc phục các tiêu chí còn yếu, phát huy các lợi thế để phát triển đạt các tiêu chí ở mức cao hơn với mục tiêu phấn đấu trở thành thị xã trong tương lai; quan tâm vấn đề triển khai thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn, lập và thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch đô thị, có các biện pháp thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nhất là vốn ODA cho phát triển đô thị, tăng cường năng lực quản lý đô thị, nâng cao chất lượng đô thị và chất lượng sống của người dân đô thị, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị chúc mừng thị trấn Phước An đã được Hội đồng thẩm định nhất trí cho số điểm là 79,79 và đề nghị Bộ Xây dựng công nhận Thị trấn là đô thị loại IV.

Được công nhận là đô thị loại IV, thị trấn Phước An sẽ có thêm thế và lực mới để phát triển nhanh và bền vững, xứng tầm của một đô thị loại IV, trung tâm kinh tế, văn hoá, thương mại, dịch vụ và y tế của khu vực phía Đông của tỉnh Đắk Lắk.

**Huỳnh Phước**

## **Xây dựng ngầm - xu hướng hiện nay trong việc giải quyết các vấn đề giao thông tại các thành phố lớn**

Tại Nga và trên toàn thế giới, các đô thị lớn và các quần thể đô thị xuất hiện ngày càng nhiều hơn. Bên cạnh đó, nhiều thành phố lớn không còn khả năng phát triển mở rộng. Phát triển theo chiều rộng không hiệu quả về kinh tế - tình trạng giao thông thêm phức tạp, nhu cầu xây dựng thêm các trung tâm thương mại, văn hóa, thể thao cao cấp ... liên quan tới vấn đề này, đã xuất hiện các xu hướng như: nâng tầng, nâng chiều cao các công trình; nâng cấp các tuyến đường giao thông... nhằm mục đích tiết kiệm đất, giảm chi phí lắp đặt hệ thống liên lạc, tăng năng lực vận tải của các tuyến giao thông nội đô.

Tuy nhiên, xu hướng phát triển thành phố theo chiều cao cũng có những giới hạn nhất định. Trước hết, các giới hạn này được định hình rõ nét bằng năng lực kỹ thuật. Giới hạn số tầng có thể được quy định bởi các tiêu chí về tính chất đất nền, tải trọng gió, khí hậu. Bên cạnh đó, trong bất cứ đô thị nào cũng có nhiều loại dịch vụ không cần độ cao: các cơ sở cung cấp năng lượng, kho bãi, các văn phòng hành chính, ga ra ô tô, các công trình thương mại ... Tại nhiều thành phố lớn, các công trình với chức năng tương tự bắt đầu được bố trí ở những vị trí

bên dưới mặt đất (ngầm dưới lòng đất).

Vấn đề giao thông và hướng giải quyết vấn đề này chiếm vị trí đặc biệt trong hoạt động đô thị hóa không gian ngầm dưới lòng đất. Phát triển và hoàn thiện các trục đường giao thông của các đô thị chính là phần quan trọng nhất của quy hoạch tổng thể, nhằm bảo đảm chức năng về kinh tế cũng như về mặt sinh hoạt của người dân, với các chi phí thời gian, chi phí lao động và nguồn vốn tối thiểu. Trong một đô thị lớn hiện đại, mật độ mạng lưới tuyến giao thông tối thiểu cần xây dựng là 3 - 4 km / 01 km<sup>2</sup>. Do trong các đô thị còn lưu giữ nhiều công trình lịch sử - kiến trúc có giá trị, các chỉ số nêu trên chỉ có thể đạt được khi các tuyến đường giao thông được bố trí ngầm dưới mặt đất.

Dự án tổ chức thiết kế và khai thác không gian ngầm của thủ đô Moskva (Nga) đã được nghiên cứu vào năm 1975, và của Leningrad (ngày nay là thành phố Saint Peterburg - Nga) vào năm 1979. Tiếp đó, ngày 15/3/1983, Ủy ban thực thi thuộc Hội đồng thành phố Leningrad đã thông qua Nghị quyết số 128 "Về việc sử dụng không gian ngầm của thành phố Leningrad". Trong văn kiện đó, các khu vực thuận lợi cho việc khai thác không gian ngầm

của thành phố Leningrad đã được quy định cụ thể. Các tài liệu này cũng chỉ rõ các quận Leningrad và quận Petrograd - một phần diện tích đáng kể của khu vực trung tâm thành phố - cũng tương đối thuận lợi cho việc khai thác không gian ngầm. Trong quá trình soạn thảo Nghị quyết, các nhà quản lý đã thông qua các quy tắc cơ bản sau đây: tính tổng thể của việc quy hoạch, xây dựng và sử dụng công trình ngầm; phân khu không gian ngầm theo quy hoạch chức năng và theo phương thẳng đứng; sử dụng nhiều mục đích; triển khai theo nhiều giai đoạn.

Tại Leningrad, việc phân khu không gian ngầm theo phương thẳng đứng được chia ra 4 cấp, (tại Moskva là 3 cấp):

Ở độ sâu dưới 10m cần bố trí các công trình liên lạc - kỹ thuật, giao thông - bộ hành; thương mại - dịch vụ; văn hóa – giáo dục; công nghiệp và công trình kho bãi...

Ở độ sâu từ 10 – 25m là các hạng mục thiết bị kỹ thuật của thành phố; hệ thống dẫn nước của đường hầm giao thông và liên lạc; các kết cấu cơ bản của hầm đường bộ và đường sắt..

Ở độ sâu từ 25 - 40m là các trạm bơm và trạm dẫn nước; công trình kênh ngòi; công trình vệ sinh; các công trình riêng thuộc tuyến xe điện ngầm.

Ở độ sâu hơn 40m dành cho việc bố trí các nhà ga và trạm trung chuyển của tuyến xe điện ngầm; các đường hầm gom.

Trong các tài liệu này (áp dụng cho thành phố Leningrad), 3 phương pháp cơ bản trong xây dựng các công trình giao thông ngầm đã được đề xuất - đối với khu vực trung tâm thành phố; đối với điểm giao cắt với các chương ngại nước (giao cắt với sông, kênh, ngòi...); đối với việc đào bên dưới các công trình xây dựng trên mặt đất. Cả 3 phương pháp đều có thể được hỗ trợ bằng nhiều biện pháp khác trong xây dựng các công trình ngầm.

Tại nhiều quốc gia khác, kinh nghiệm xây dựng các tuyến đường quốc lộ và đường sắt

ngầm bên dưới lòng thành phố đã được tích lũy khá phong phú, do đó các xu hướng mới trong việc bố trí các tuyến giao thông và kết nối chúng với các công trình xây dựng khác đã xuất hiện. Đối với Nga, điều quan trọng nhất hiện nay là áp dụng các kinh nghiệm phong phú của các quốc gia khác trên thế giới và giải quyết những vấn đề tương tự ở một cấp độ cao hơn, tuân thủ đúng các quy tắc đã định, đó là:

1. Tất cả các tuyến đường quốc lộ ngầm thường bố trí tại trung tâm thành phố. Các cầu vượt được xây dựng trước kia, các công trình trên cao (cầu vượt, đường dẫn...) sẽ được áp dụng tại những khu vực xa trung tâm thành phố, gần các vùng ngoại ô.

2. Thay cho các tuyến đường không dài, nằm trong phạm vi nút giao của đường hầm, người ta sẽ xây những đường hầm kéo dài trong thành phố dưới dạng đường đơn cũng như đường đôi ngầm. Có thể lấy ví dụ là các tuyến đường M-30 ở Madrid (Tây Ban Nha), tuyến đường số 90 ở Boston (Mỹ), Đại lộ Pereferik và Malsherb ở Paris (Pháp)...

3. Các tuyến đường quốc lộ ngầm kéo dài cần bao gồm cả các đường hầm ngầm dưới nước đi qua những chương ngại nước lớn như qua sông, kênh đào hay eo biển, nếu đa phần các chương ngại nước đó giữ chức năng giao thông thủy (giao thông đường sông hay đường biển). Trong trường hợp này, các cây cầu thấp (đặc trưng cho đa số các đô thị lớn) sẽ gây cản trở nghiêm trọng cho giao thông thủy. Còn cầu cao so với mực nước lại có thể trở thành nguyên nhân của các thay đổi nghiêm trọng cảnh quan kiến trúc của khu vực xung quanh, đồng thời làm tăng chiều dài tuyến đường giao cắt với trở ngại nước.

4. Mỗi khu vực lớn của thành phố, các siêu thị, các tòa nhà lớn cần có không gian ngầm mở rộng, trong đó bao gồm cả không gian để tổ chức các bãi đỗ xe ngầm.

5. Cần từ bỏ các lối qua đường dành cho người đi bộ như một biện pháp nhằm giải quyết

các vấn đề giao thông. Hiện nay, giao thông bằng phương tiện và đi bộ bắt đầu thay đổi vị trí cho nhau: không phải đi bộ dưới lòng đất mà là giao thông bằng phương tiện được đưa xuống dưới lòng đất; và trên mặt đất sẽ thông thoáng để tổ chức đi bộ. Xu hướng này từ lâu đã được nghiên cứu và áp dụng trong quá trình phát triển các đô thị lớn trên thế giới.

6. Nhiều ý kiến cho rằng, xây dựng các tuyến giao thông ngầm sẽ gây trở ngại lớn cho hệ thống liên lạc kỹ thuật vốn rất phức tạp; tiếp theo là cần lắp đặt lại hệ thống này. Song kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới cho thấy: chính việc xây dựng các tuyến đường ngầm sẽ làm rõ hệ thống liên lạc tuy có được lắp đặt nhưng theo thời gian đã bị quên lãng; và quan trọng hơn cả là xây dựng các tuyến giao thông ngầm sẽ khiến việc lắp đặt các hệ thống liên lạc tại các kênh cáp đã được quy định trong mặt cắt ngang của kết cấu ngầm trở nên quy củ, trật tự hơn.

7. Có một số ý kiến - chẳng hạn - tại Saint Peterburg có nền đất yếu khiến việc mở rộng không gian ngầm là điều không thể. Ở đây cần lưu ý một điều: rất nhiều phương pháp, phương tiện kỹ thuật và các giải pháp căn cơ đối với việc xây dựng các công trình ngầm với các chức năng khác nhau đã được nghiên cứu trên toàn thế giới, trong đó có cả những biện pháp thi công công trình ngầm trong các nền đất khác nhau. Kinh nghiệm triển khai đã có nhiều tại các nước như Hà Lan, Nhật Bản, Mỹ, Tây Ban Nha. Thiết nghĩ, các nhà xây dựng Nga cũng cần tham gia giải quyết các vấn đề này. Và khi đó, vấn đề giao thông sẽ đơn giản hơn rất nhiều.

**A. Ledyayev**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp & Xây dựng dân dụng Nga (tháng 6/2012)*

**ND: Lê Minh**

## **Nguyên tắc thiết kế và cách biểu đạt nghệ thuật cảnh quan quảng trường thành phố**

Cảnh quan quảng trường là vật chuyển tải mang tính dấu ấn của một thành phố, là cái mà các thành phố hiện đại thể hiện hình tượng bản thân kết hợp với vẻ đẹp tự nhiên và vẻ đẹp nghệ thuật, đồng thời chứa đựng những kế hoạch xây dựng và ý tưởng về sự phát triển trong tương lai của một thành phố. Cảnh quan quảng trường chứa đựng những nội hàm văn hóa nghệ thuật đặc sắc, sự khác biệt về cá tính, môi trường lịch sử văn hóa khu vực và là sự biểu đạt nghệ thuật kiến trúc.

### **I. Đặc điểm trong thiết kế cảnh quan quảng trường**

#### **1. Cảnh quan quảng trường mang tính rộng mở**

Quảng trường là một không gian rộng mở trong thành phố, nó mang tính công cộng và có sức truyền cảm nghệ thuật nhất, cũng là nơi chủ yếu tập trung mọi người, tính rộng mở trong

bản thân quảng trường đã quyết định tính phong phú và sự đa dạng trong kiểu dáng và nội dung cảnh quan quảng trường.

#### **2. Thiết kế cảnh quan và quy hoạch quảng trường không thể tách rời**

Thiết kế cảnh quan cần tiến hành dưới tiền đề phù hợp với bố cục quy hoạch quảng trường, mục đích của thiết kế cảnh quan quảng trường là tối ưu hóa môi trường, thỏa mãn nhu cầu về tinh thần của mọi người, phát huy tác dụng điểm nhấn trong xây dựng quảng trường của thành phố. Lúc này, cảnh quan là một yếu tố thiết kế được đưa vào trong quy hoạch quảng trường, bản thân nó tồn tại dựa vào kiến trúc quảng trường, sau khi bố cục quảng trường được định hình, điều chủ yếu cần xem xét là thiết kế cảnh quan sao cho phù hợp với bố cục quảng trường để đạt được hiệu quả lớn nhất về thiết kế và thị giác, hoặc làm sao để thông qua



việc thiết kế cảnh quan làm nổi bật hơn hiệu quả tổng thể của quảng trường.

## **II. Nguyên tắc thiết kế cảnh quan quảng trường**

Cảnh quan quảng trường không chỉ là vật chuyển tải biểu tượng của một thành phố, mà còn là sự biểu hiện sâu xa về xã hội, kinh tế, văn hóa và môi trường. Vì vậy, khi thiết kế cảnh quan quảng trường, cần xem xét tổng hợp về nội dung và mối quan hệ giữa các mặt như tính hình tượng, chức năng, môi trường ... của thành phố, do đó, khi thiết kế cảnh quan quảng trường cụ thể cần tuân theo những nguyên tắc thiết kế dưới đây:

### **1. Nguyên tắc tính chỉnh thể**

Cảnh quan quảng trường là một tác phẩm nghệ thuật phóng khoáng, nó không tồn tại cô lập trong một thành phố cụ thể, mà kết hợp với những hình thức không gian khác, tạo thành một chỉnh thể để đạt tới mục tiêu về môi trường sinh thái của thành phố. Trong hệ thống không gian của quảng trường, cho dù chức năng, tính chất, quy mô, vị trí của cảnh quan có khác nhau như thế nào thì đều là chỉnh thể hữu cơ của không gian quảng trường thành phố, không thể tránh khỏi những ảnh hưởng lẫn nhau với môi trường cảnh quan xung quanh, đồng thời tận dụng đầy đủ đặc điểm đặc biệt và sức hấp dẫn về cảnh quan môi trường xung quanh.

Thiết kế cảnh quan hiện đại không thể chỉ là phối cảnh hoặc bố cục của quảng trường mà phải hình thành chỉnh thể thống nhất với tự nhiên và môi trường. Đồng thời cần coi trọng sự liên tục và tính bảo vệ cảnh quan lịch sử nhân văn, đây đều là nguyên tắc khi tiến hành thiết kế và quy hoạch cảnh quan quảng trường dựa theo chỉnh thể thành phố, do đó cần có một định vị chuẩn xác đối với nó, điều này đầu tiên cần xét đến tính chỉnh thể của môi trường, cụ thể, cần phải xét đến nội hàm lịch sử văn hóa, tính liên tục về không gian và thời gian, quy mô của môi trường cảnh quan và tư tưởng của tác phẩm cảnh quan, lựa chọn phương pháp thiết

kế hợp lý nhất, về mặt vĩ mô, phát huy thực sự tác dụng của cảnh quan quảng trường giúp cải thiện cuộc sống và môi trường giải trí của người dân thành phố, xây dựng hình tượng thành phố hiện đại hóa mạnh mẽ đi lên.

### **2. Nguyên tắc lấy con người làm gốc**

Để đánh giá cảnh quan quảng trường có phù hợp hay không chủ yếu phải xem tác phẩm cảnh quan cụ thể và ngụ ý tác phẩm liệu có phù hợp với truyền thống lịch sử và tập quán sinh hoạt của người dân thành phố. Thiết kế cảnh quan quảng trường thành phố cần thể hiện đầy đủ sự quan tâm đối với “con người”. Vào thời kỳ phục hưng ở Italia, các nhà nghệ thuật sớm đã bắt đầu coi trọng nguyên tắc “lấy con người làm gốc”, tức là bắt đầu chú trọng phục vụ nhân sinh. Việc xây dựng cảnh quan thành phố của Trung Quốc đang bắt đầu nhận thức được tính quan trọng của việc cải thiện môi trường sinh thái và chất lượng cuộc sống tinh thần của người dân. Quan niệm của các nhà thiết kế cũng chuyển biến từ việc theo đuổi “đơn giản, thực dụng, dễ tạo hình” sang coi trọng “lịch sử, ý tưởng, văn hóa, môi trường”. Nói theo một ý nghĩa nào đó, cảnh quan quảng trường là một bộ phận của cuộc sống người dân thành phố, nó nhất thiết phải xâm nhập vào trong cuộc sống của người dân. Vì vậy, khi thiết kế cảnh quan quảng trường cần xác định rõ điểm cơ bản: đơn giản thực dụng, lấy con người làm gốc, thể hiện tư tưởng thiết kế “nhân văn”.

### **3. Nguyên tắc tinh tế**

Nguyên tắc tinh tế là chỉ khi các nhà thiết kế bắt tay vào thiết kế cảnh quan cụ thể, cần chú ý thiết kế một số tác phẩm cảnh quan với tạo hình đẹp và ý tưởng sâu xa, mà không phải là những tác phẩm cảnh quan được chế tác thô sơ, thiết kế không chút nghệ thuật. Những cảnh quan quảng trường có sự sáng tạo nghệ thuật càng dễ dàng thu hút mọi người, quan trọng hơn là tác phẩm cảnh quan có sự sáng tạo tốt càng dễ dàng thỏa mãn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của con người, càng để lại những

ảnh hưởng sâu sắc trong nội tâm con người và mang lại hiệu ứng tốt trong việc tạo dựng hình tượng thành phố.

#### **4. Nguyên tắc tính thời đại**

Chúng ta sống trong một thời đại đặc biệt, quan niệm thẩm mỹ của mọi người cũng chịu ảnh hưởng bởi sự tinh tế của nó. Vì vậy, khi tiến hành thiết kế cảnh quan thành phố, trước hết cần tính đến ý thức thẩm mỹ phù hợp với sự phát triển thời đại. Cảnh quan quảng trường thành phố thông thường do tổ hợp nghệ thuật cảnh quan thành phố mang tính dấu ấn như tranh tường thành phố, cảnh quan môi trường tự nhiên, điêu khắc cảnh quan và cảnh quan nhân văn ..., trong các thiết kế cảnh quan cụ thể, chúng ta vừa cần học theo những kinh nghiệm thành công của người đi trước, vừa cần đứng trên quan điểm của con người hiện đại để nghiên cứu thiết kế các tác phẩm cảnh quan, từ đó từng bước xây dựng quan niệm thẩm mỹ trong thiết kế nghệ thuật cảnh quan thành phố hiện đại, khiến cho các tác phẩm cảnh quan quảng trường đã thiết kế vừa thể hiện truyền thống trong đô thị hiện đại vừa có thể nỗ lực để xây dựng hình tượng thành phố tương lai.

#### **5. Nguyên tắc về tính đặc sắc địa phương**

Thông thường tính đặc sắc địa phương trong cảnh quan quảng trường vừa bao gồm các đặc điểm kế thừa lịch sử và cả đặc điểm phát triển của thời đại. Trước hết, cảnh quan quảng trường thành phố cần làm nổi bật đặc điểm kế thừa lịch sử, tức đặc điểm nhân văn và đặc điểm lịch sử. Người thiết kế cảnh quan quảng trường thành phố cần lưu ý đến việc kế thừa truyền thống lịch sử và văn hóa địa phương của thành phố, xem xét tổng hợp đến phong cách kiến trúc của các công trình địa phương, điều này càng có lợi cho việc tuyên truyền đặc điểm và các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống của địa phương, tránh tính tương tự trong cảnh quan quảng trường, tăng cường sức gắn kết cảnh quan và sức hấp dẫn của thành phố.

#### **III. Sự biểu đạt chi tiết trong thiết kế cảnh**

#### **quan chủ đạo**

##### **1. Thiết kế cảnh quan mềm**

###### **a. Thực vật**

Thiết kế cảnh quan thực vật vừa là một môn khoa học, vừa là một môn nghệ thuật. Khi tiến hành thiết kế cảnh quan thực vật, vừa phải xét đến tập tính tự nhiên của nó lại vừa phải nắm được tính năng thay đổi theo thời tiết của nó. Trước hết, việc thiết kế cảnh quan thực vật trong quảng trường thành phố cần căn cứ theo thiết kế quy hoạch tổng thể của cảnh quan quảng trường, điều này giúp cho cảnh quan thực vật và môi trường quảng trường thành phố vừa mang tính chỉnh thể lại vừa có sự biến hóa về quy luật và tiết tấu nhất định. Thực vật phải có sự tương tác phụ thuộc lẫn nhau với các yếu tố thiết kế cảnh quan khác như điêu khắc, mặt nước, công trình kiến trúc... Ngoài ra, thực vật phải kết hợp với các nguyên tố tự nhiên xung quanh quảng trường thành phố, tận dụng cảnh quan thực vật tiến hành quy hoạch và thiết kế phân khu không gian quảng trường, từ đó hình thành nên những tác phẩm thiết kế cảnh quan quảng trường xuất sắc.

###### **b. Mặt nước**

Trước hết, trong khi tiến hành thiết kế cảnh quan quảng trường thành phố, cảnh quan mặt nước là yếu tố thiết kế cảnh quan cơ bản không thể thiếu, đồng thời mối quan hệ giữa nước và các yếu tố cảnh quan khác lại rất mật thiết, chặt chẽ không thể tách rời. Trong thiết kế cụ thể, hình thức biểu đạt cảnh quan nước đa dạng và phong phú, vừa có thể là nước lưu động, cũng có thể là nước ở trạng thái tĩnh; có thể là bể nước, thác nước hay đài phun nước ... Bên cạnh đó, quần thể công trình, giả núi, tác phẩm điêu khắc... được hình thành trong nước tại quảng trường sẽ cùng tỏa sáng cùng với cảnh quan thiên nhiên. Sự tác động về thị giác và sức hấp dẫn về thính giác của cảnh quan nước luôn được mọi người công nhận, bởi vì, tác dụng của tiếng nước chảy trong việc giải tỏa sự mệt mỏi và căng thẳng trong công việc là không thể phủ nhận.

## 2. Thiết kế cảnh quan cúng

### a. Tác phẩm điêu khắc

Điêu khắc là cảnh quan trung tâm của nghệ thuật thẩm mỹ công cộng thành phố, là điểm tựa quan trọng để nghệ thuật cảnh quan quảng trường thăng hoa, cũng là vật chuyển tải về đẹp nghệ thuật của một thành phố, đồng thời cũng thể hiện những ước vọng của mọi người về sự phát triển trong tương lai của thành phố.

Các tác phẩm điêu khắc trong thiết kế cảnh quan rất có lợi cho việc giao lưu tiếp xúc giữa người dân thành phố và không gian quảng trường, các tác phẩm điêu khắc thường trở thành một điểm thu hút thị giác trong cảnh quan không gian quảng trường. Màu sắc, độ lớn nhỏ, thiết kế tạo hình... của nó đều cần có sự xem xét kỹ càng của nhà thiết kế, tất nhiên, còn cần phải tính đến các yếu tố môi trường xung quanh có hài hòa với chính thể hành vi của con người hay không.

### b. Các loại tiểu cảnh môi trường khác

Các yếu tố tạo hình của tiểu cảnh môi trường trong quảng trường có khả năng thể hiện đặc điểm nghệ thuật các thiết kế cảnh quan quảng trường của một thành phố. Các tiểu cảnh môi trường quảng trường phong phú và đa dạng, trong các thiết kế cụ thể cần thể hiện nguyên tắc thiết kế lấy người làm gốc, ví dụ sự bố trí của các thiết bị môi trường như biển báo, chiếu sáng, âm thanh, thùng rác ..., cần chú ý

tính chức năng và hiệu quả nghệ thuật.

## IV. Kết luận

Thiết kế cảnh quan quảng trường thành phố hiện đại là một chủ đề quan trọng trong khai thác thiết kế quảng trường thành phố. Khi thiết kế cảnh quan quảng trường thành phố hiện đại, chỉ có chú trọng tính hài hòa với môi trường chính thể thành phố, lấy con người làm gốc, kế thừa hợp lý truyền thống văn hóa và lịch sử của thành phố thì các nhà thiết kế của chúng ta mới có thể sáng tạo ra những tác phẩm cảnh quan quảng trường mang đầy sức sống, đồng thời nâng cao hình tượng của thành phố. Cảnh quan quảng trường cần lấy giá trị thực dụng làm mục đích thiết kế chính, chú trọng sự phối hợp tích cực với các địa điểm vui chơi giải trí. Vì vậy, thiết kế quy hoạch cảnh quan quảng trường không chỉ cần chú ý xây dựng nét đặc sắc về dân tộc địa phương, đặc trưng thời đại, đặc điểm của thành phố, kế thừa và phát huy lịch sử văn hóa thành phố, và còn cần chú trọng phát triển tương lai thành phố, chỉ có như vậy, tác phẩm cảnh quan của chúng ta mới có thể thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa môi trường và con người thành phố.

**Diêm Kỳ Phong**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 1/2012*

**ND: Kim Nhạn**

## **Bàn về vấn đề kiểm soát chất lượng công trình xây dựng**

### I. Quy trình kiểm soát chất lượng

Quy trình kiểm soát chất lượng được coi là nền móng, nó ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng của toàn bộ dự án xây dựng. Vì vậy quy trình kiểm soát chất lượng trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án xây dựng cần hết sức chặt chẽ.

#### 1. Khái niệm quy trình kiểm soát chất lượng

Quy trình kiểm soát chất lượng bao hàm 2

khía cạnh, đó là quy trình kiểm soát về điều kiện hoạt động và quy trình kiểm soát hiệu quả hoạt động. Nguyên tắc đối với việc kiểm soát chất lượng là thông qua việc kiểm tra từng khâu trong quy trình chất lượng, thực hiện thống kê, phân tích và đánh giá toàn bộ quy trình, từ đó mới có thể thực hiện kiểm soát chất lượng. Phương pháp kiểm soát có thể được thực hiện như sau:

- Đối với việc đo lường, cần lựa chọn những phương pháp và dụng cụ cần thiết để thực hiện kiểm tra và đo lường

- Đối với việc phân tích, từ những số liệu có được thông qua kiểm nghiệm tiến hành phân tích, tìm ra quy luật từ những số liệu này

- Đối với việc phán đoán, căn cứ vào những số liệu đã được phân tích, tiến hành phán đoán chất lượng của toàn bộ quy trình về chất lượng, xác định quy trình đã đạt được mức tiêu chuẩn về chất lượng hay chưa.

## **2. Nội dung của quy trình kiểm soát chất lượng**

Để xác định được quy trình các bước kiểm soát chất lượng: phương pháp chung thường là sau mỗi bước đã hoàn thành, căn cứ vào quy định, yêu cầu đơn vị thi công tự kiểm tra, sau khi kiểm tra đạt tiêu chuẩn, sẽ báo cáo đến bộ phận quản lý giám sát (người đại diện cho đơn vị xây dựng) để họ kiểm tra và nghiệm thu, sau khi nghiệm thu đạt tiêu chuẩn, có thể thực hiện các bước tiếp theo. Đối với trường hợp chất lượng không đạt tiêu chuẩn, đơn vị thi công phải làm lại.

Chủ động trong việc kiểm soát điều kiện hoạt động: điều kiện hoạt động được xem như là mục tiêu để kiểm soát chất lượng. Chỉ có cách chủ động trong việc kiểm soát điều kiện hoạt động, mới có thể đạt hiệu quả trong việc kiểm soát chỉ tiêu chất lượng, mới có thể nâng cao việc kiểm soát những yếu tố chủ yếu làm ảnh hưởng tới chất lượng của công trình.

Kịp thời kiểm tra các quy trình liên quan tới chất lượng: khi những quy trình này trở thành nguyên nhân khiến cho dữ liệu về chất lượng bị phân tán, về cơ bản trạng thái phân tán này không làm cho tiêu chuẩn cố định bị thay đổi, khi quy trình ở trạng thái này người ta thường gọi là trạng thái ổn định. Nhưng khi quy trình là nguyên nhân khiến cho dữ liệu chất lượng bị phân tán, nhưng lại khiến cho tiêu chuẩn cố định bị thay đổi, trong trường hợp này thường gọi là trạng thái bất thường. Để có thể thực hiện

phân tích dữ liệu, cần thông qua kiểm tra chất lượng, hay nói đúng hơn là phán đoán chất lượng công trình đang trong trạng thái nào, nếu kết quả phân tích rơi vào trạng thái bất thường, thì nhất thiết phải tạm dừng và không được thi công các bước tiếp theo.

Thiết lập điểm kiểm soát các quy trình liên quan tới chất lượng: điểm kiểm soát là chỉ việc tiến hành kiểm soát điểm trọng tâm và những bộ phận có liên quan để đảm bảo các quy trình liên quan tới chất lượng công trình, thông qua việc thiết lập điểm kiểm soát có thể phân tích những sự việc có khả năng tạo ra nguyên nhân tiềm ẩn làm ảnh hưởng tới chất lượng công trình, đối với những nguyên nhân tiềm ẩn này, cần phải chọn ra những biện pháp xử lý và phòng tránh phù hợp.

## **II. Thiết lập điểm kiểm soát chất lượng**

Thiết lập điểm kiểm soát chất lượng chính là đưa ra biện pháp có hiệu quả trong việc kiểm soát phòng ngừa đối với chất lượng. Căn cứ vào đặc điểm của công trình, xem xét tới mức độ quan trọng, tính phức tạp, tính chuẩn xác, yêu cầu và tiêu chuẩn chất lượng, từ đó lựa chọn điểm kiểm soát chất lượng hợp lý. Nếu điểm kiểm soát chất lượng có phạm vi rộng, có thể là do dự án xây dựng có kết cấu phức tạp, cũng có thể là do yêu cầu cao đối với kỹ thuật, cũng có thể do ảnh hưởng từ các khâu liên quan tới chất lượng. Tóm lại, cho dù là trong thao tác, quy trình, vật liệu, trình tự thi công, tham số kỹ thuật, điều kiện tự nhiên, môi trường xây dựng... đều có thể thiết lập điểm kiểm soát chất lượng.

Nội dung kiểm soát chất lượng chủ yếu bao gồm: hành vi con người, chất lượng vật liệu và tính năng, trình tự thi công, vấn đề kỹ thuật, tham số kỹ thuật, một số vấn đề thường gặp về chất lượng... cùng với kỹ thuật mới, ứng dụng vật liệu mới và biện pháp thi công.

## **III. Kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công**

Trong quá trình thi công, yêu cầu đơn vị thi

công cần thực hiện theo đúng nội dung trong bản vẽ thiết kế thi công và tiêu chuẩn về chất lượng, bởi tất cả những vấn đề này đều ảnh hưởng tới chất lượng tốt xấu của công trình.

Đối với việc kiểm tra chất lượng thi công: cần nâng cao việc giám sát kiểm tra chất lượng, đối với những trường hợp không đạt tiêu chuẩn về chất lượng cần kịp thời chỉnh sửa lại; Đối với việc kiểm tra quy trình bàn giao chất lượng: là trước khi bước vào khâu thi công tiếp theo, phải kiểm tra chặt chẽ khâu thi công đã hoàn thành trước đó, chắc chắn rằng chất lượng của toàn bộ công trình được đảm bảo; Kiểm tra trước khi thực hiện thi công xây dựng, là quá trình kiểm tra trước khi thực hiện một khâu thi công nào đó trong dự án công trình. Việc kiểm tra trước như vậy sẽ đảm bảo được chất lượng công trình, tránh xảy ra những sự cố làm ảnh hưởng đến

tiến độ cũng như chất lượng của công trình.

#### **IV. Dự phòng và kiểm soát chất lượng công trình**

Dự phòng và kiểm soát chất lượng công trình là kiểm soát chất lượng của các bộ phận, các hạng mục trong công trình, việc đầu tiên cần làm là phải đưa ra được những cách xử lý đối với những hiểm họa tiềm ẩn có thể xảy ra trong quá trình thi công, chọn ra những biện pháp dự phòng và kiểm soát chất lượng hiệu quả, tránh xảy ra những vấn đề liên quan tới chất lượng trong thi công./.

**Từ Căn Trụ**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc  
số 5/ 2012*

**ND: Bích Ngọc**

### **Tro xỉ thải - nguồn thu lớn**

Ủy ban Năng lượng Duma Quốc gia Nga vừa qua đã tiến hành “Hội nghị bàn tròn” để thảo luận vấn đề bảo đảm về mặt pháp lý cho việc sử dụng tro xỉ thải. Chủ đề của cuộc thảo luận chính là dự thảo Luật “Về các sửa đổi trong những điều luật riêng của Liên bang Nga nhằm cải thiện tình hình sử dụng tro xỉ thải”.

Vấn đề này đã được những nhà làm luật quan tâm nghiên cứu từ những ngày sơ khai của Duma Quốc gia, và ngày càng trở nên cấp thiết hơn. Lượng lớn tro xỉ thải phát sinh trong sản xuất điện từ lâu đã là chủ đề nóng. Tại Nga, 172 nhà máy nhiệt điện với nhiên liệu chủ yếu là than đá tuy có bãi chứa tro xỉ thải, song 60% trong số đó hoặc đã quá tải hoặc gần như đầy tràn. Tăng thêm dung lượng của các bãi chứa này là công việc không hề đơn giản, thậm chí trong một vài trường hợp không khả thi. Hơn nữa, để thực hiện điều đó cần những nguồn vốn đáng kể. Nếu không có biện pháp cụ thể, trong những năm tới đây các nhà máy nhiệt điện của Nga sẽ phải dừng hoạt động và rời khỏi hệ thống sản xuất năng lượng.

Các nhà máy nhiệt điện sử dụng than tại Nga hàng năm đốt hơn 123 triệu tấn nhiên liệu rắn; 1/5 trong đó biến thành tro xỉ. Theo các số liệu thống kê, chỉ có 10 % tro xỉ thải, tức là 2 - 2,5 triệu tấn được xử lý và sử dụng mỗi năm; còn 22,5 triệu tấn được đưa tới đống đổ trong các bãi chứa - đó là con số thêm vào 1,5 tỷ tấn đã được trữ trong các bãi từ trước. Tổng diện tích các bãi chứa là 28 nghìn ha. Nếu xu hướng này được duy trì, đến năm 2020 lượng tro xỉ thải lưu trữ sẽ vượt ngưỡng 1,7 tỷ tấn.

Những chi phí đặc biệt cho việc trữ tro xỉ thải (giá chuyên chở từ nhà máy tới các bãi chứa; các phí đầu tư cho việc khai thác và bảo vệ môi trường xung quanh; tiền thuê đất...) quy ra xấp xỉ 500 rúp/tấn, tức là hơn 14 tỷ rúp/năm (chiếm 5-7 % giá thành điện năng sản xuất tại các nhà máy nhiệt điện sử dụng than làm nhiên liệu). Giá thành xây dựng một bãi chứa mới có thể từ 2 – 4 tỷ rúp. Tất cả các chi phí này đều do người tiêu thụ điện năng và nhiệt năng gánh chịu.

Một vấn đề liên quan nữa không kém phần nan giải - cần dành nhiều diện tích mới cho các

bãi chứa; việc lọc và chống bụi than tại các bãi; lượng nước lớn tiêu tốn cho hệ thống khử tro bụi bằng nước. Trong tương lai, cùng với việc thực thi các điều luật bảo vệ thiên nhiên một cách nghiêm ngặt hơn tại Nga, việc tăng chi phí lên rất nhiều lần (tới 50 lần) để chứa chất thải – trong đó có tro xỉ thải – cũng như chi phí cho đất làm bãi chứa dường như đã được dự báo trước.

Các nghiên cứu cũng như thực tế đều đã khẳng định: tro xỉ thải từ các nhà máy nhiệt điện sử dụng than làm nhiên liệu chính là một loại nguyên liệu khoáng rẻ tiền và chất lượng tốt, đặc biệt đối với ngành xây dựng và công nghiệp sản xuất VLXD. Việc sử dụng tro xỉ thải sẽ giúp giảm giá thành của nhiều loại VLXD như xi măng, vữa khô, bê tông,... thậm chí tới 15 -30 % giá thành sản phẩm cùng loại trên thực tế. Áp dụng tro xỉ thải làm nền đất của các tuyến đường quốc lộ sẽ giảm giá thành xây dựng một cách đáng kể. Những ví dụ đầy thuyết phục về việc sử dụng tro xỉ thải trong sản xuất VLXD đã được Giám đốc Liên hiệp TEPLIT – ông V. Levchenko dẫn chứng trong “hội nghị bàn tròn”. Các nhà máy sản xuất VLXD thuộc Liên hiệp được xây tại vùng Svedlovsk, trong làng Reftinsky và thị trấn Berezovsky (gần khu vực các nhà máy nhiệt điện Reftinskaya và Berezovskaya; trong đó nhà máy Reftinskaya là một trong những nhà máy nhiệt điện lớn nhất của châu Âu, mỗi năm đốt gần 13 triệu tấn than đá cho lượng tro bay cao – 4,5 triệu tấn). 2 nhà máy này chuyên sản xuất các khối xây tường từ bê tông khí chưng áp, với nguyên liệu chủ yếu là tro bay của nhà máy nhiệt điện Reftinskaya. Các bãi chứa tro xỉ thải quanh khu vực với tổng diện tích 940 ha đã gần như quá tải. Hồ chứa nước thực sự là một hiểm họa lớn, do các bờ kè không bảo đảm. Bụi bẩn từ tro xỉ thải khiến đất và không khí ở đây bị ô nhiễm, mà nguồn nước sinh hoạt được lọc từ chính sông và các hồ chứa. Trong khi đó, tro xỉ thải lại có thành phần cấu tạo rất tuyệt vời để tái chế

thành VLXD. Các nhà máy thuộc Liên hiệp xử lý tới 180 nghìn tấn tro bay mỗi năm; đạt sản lượng 520 nghìn m<sup>3</sup> khối bê tông khí, đủ để xây 3,5 nghìn căn nhà với diện tích bình quân 150 m<sup>2</sup>/ căn. Tháng 6 năm nay, nhà máy sản xuất VLXD tại làng Reftinskaya đã đưa vào vận hành dây chuyền công nghệ sản xuất vữa khô dùng trong xây dựng, nhờ đó hàng năm sẽ có thêm 50 nghìn tấn tro bay được xử lý.

TEPLIT còn đối mặt với rất nhiều vấn đề gây trở ngại cho sự phát triển việc xử lý tro xỉ thải. Trước hết, đó là chính sách giá cả trực tiếp của nhà cung cấp tro xỉ, cùng với chi phí vận chuyển cao. Tổng hợp 2 con số này, một tấn tro có giá 500 rúp. Còn tại xí nghiệp sản xuất VLXD thuộc nhà máy bê tông khí chưng áp vùng Cheliabinsk, một tấn cát từ mỏ lộ thiên có giá 105 rúp tính cả vận chuyển. Do đó, sản phẩm của xí nghiệp này rõ ràng có giá cạnh tranh hơn.

Các thành viên của « hội nghị bàn tròn» đều nhận thức rõ: hiện nay tại Nga, việc sử dụng tro xỉ thải còn ở mức thấp. Vấn đề xử lý loại chất thải này đã và đang được hàng trăm tổ chức, cơ quan, Viện Nghiên cứu khoa học, Viện Công nghệ và thiết kế ... quan tâm nghiên cứu. Các nhà khoa học Nga đã nghiên cứu được gần 300 phương pháp chế tạo VLXD từ tro xỉ thải; song áp dụng các phương pháp này vào thực tế sản xuất còn gặp khá nhiều vướng mắc.

Theo kinh nghiệm của nhiều nước khác trên thế giới, mức độ xử lý tro xỉ thải tại các nước tiên tiến đạt tới 50%. Tại Pháp và Đức, con số này là 70%; tại Phần Lan – 90%, nhờ chính sách của quốc gia thúc đẩy khuyến khích việc sử dụng VLXD từ tro xỉ thải. Tại Ba Lan, giá đất làm bãi chứa tăng rất mạnh, kết quả là các nhà máy nhiệt điện thậm chí còn trả thêm cho những nơi có nhu cầu tiêu thụ tro xỉ nhằm giảm chi phí riêng cho việc trữ lượng tro xỉ đó. Tại Bungari, tro xỉ được cho không. Tại Trung Quốc, việc vận chuyển tro xỉ miễn phí. Theo

Luật Trung Quốc quy định, trong vòng bán kính 70 km quanh các nhà máy nhiệt điện nghiêm cấm việc sử dụng cát và sỏi trong công tác xây dựng cầu đường.

Các thành viên « hội nghị bàn tròn» đã bàn về sự khẩn thiết phải xóa bỏ sự cách biệt giữa Nga và châu Âu trên con đường tìm ra những giải pháp xử lý tro xỉ thải trên cơ sở áp dụng các nguyên tắc có tính quốc tế về trách nhiệm của nhà sản xuất đối với toàn bộ vòng đời của sản phẩm.

Luật Bảo vệ thiên nhiên của Nga cần sự điều chỉnh đặc biệt. Trong trường hợp các nhà máy xí nghiệp xả chất thải vi phạm tiêu chuẩn hiện hành, cần tăng các hình thức chế tài, phạt tiền. Tất cả các khoản tiền này sẽ được đưa vào biểu thuế của điện năng và nhiệt năng. Việc này sẽ làm giá năng lượng tăng mạnh, kéo theo các hệ quả không tốt về mặt kinh tế - xã hội. Nếu như các khoản tiền trên được đầu tư cho các công ty doanh nghiệp sản xuất có bãi chứa tro xỉ thải thì sự thất thoát của các khoản đầu tư này là điều khó tránh khỏi.

Các khu vực có thể áp dụng tro xỉ thải cũng đã được khoanh vùng. Tro xỉ có thể được ứng dụng như một nguồn tài nguyên khoáng sản thứ cấp trong nhiều lĩnh vực, nhiều khu vực kinh tế khác nhau của đất nước, trong đó có các lĩnh vực sản xuất xi măng, bê tông, gạch nung, các viên xây...Nhu cầu đối với tro xỉ thải trong các ngành cầu đường, quy hoạch vùng rất lớn. Nhiều nghiên cứu cần thiết đã được tiến hành và đã chứng minh một điều: ứng dụng tro xỉ thải không chỉ tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách triệt để, mà còn giúp cải thiện chất lượng VLXD, giảm giá thành, kéo dài thời gian sử dụng.

Các thành viên của « hội nghị bàn tròn» cũng đã đề xuất rõ ràng: chu trình của tro xỉ thải từ nhà máy nhiệt điện (sản xuất – tái xử lý - sử dụng – tích trữ) cần được điều tiết không chỉ bằng bộ Luật chung của Liên bang trong lĩnh vực chất thải sản xuất và việc tiêu thụ chất thải,

mà còn bằng các đạo luật riêng chuyên ngành ở cấp Liên bang. Luật cần hướng tới xu hướng triển khai sử dụng tro xỉ thải từ các nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu than đá trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay trong cả nước. Bên cạnh đó, cũng cần cân nhắc một vấn đề: Luật số 89-F3 « Về chất thải sản xuất và việc tiêu thụ chất thải» mang tính khung pháp lý, không xét tới những đặc thù trong công việc với tro xỉ thải. Cần tạo các điều kiện bảo đảm việc tiêu thụ tro xỉ thải trên cơ sở sửa đổi các điều luật của Liên bang và của vùng.

Việc tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước thông qua ban hành các điều luật, các tiêu chuẩn quy phạm trong lĩnh vực tái xử lý tro xỉ thải tại Liên bang Nga hoàn toàn phù hợp với xu hướng chung trên toàn thế giới hiện nay. Các Nghị quyết chính trị đặc biệt trong lĩnh vực sử dụng chất thải sản xuất đang có hiệu lực thi hành tại tất cả các nước thành viên EU. Ấn Độ cũng có kinh nghiệm rất hay trong lĩnh vực này. Trong khoảng thời gian ngắn, khối lượng tro xỉ thải được xử lý của đất nước này tăng mạnh nhờ việc thực hiện một loạt các biện pháp về mặt pháp luật. Kinh nghiệm áp dụng luật của Mỹ cũng được đánh giá cao ( mức sử dụng tro xỉ thải tại quốc gia này chiếm 50% lượng tro xỉ thải ra hàng năm). Để giải quyết vấn đề mở rộng việc sử dụng tro xỉ thải, nước Nga giờ đây cũng cần có những bảo đảm cụ thể về mặt pháp lý. Mục đích của sự bảo đảm này là liên kết mọi nỗ lực, mọi cố gắng của các cơ quan trong bộ máy hành pháp ở cấp Liên bang và cấp vùng; của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng; của các nhà tái xử lý và những người có nhu cầu tiêu thụ tro xỉ thải... để cùng tìm ra lời giải hiệu quả cho bài toán khó này.

**I. Khimkin**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 27  
(6/7/2012)*

**ND: Lê Minh**

## **Bộ Xây dựng và Kiểm toán Nhà nước ký quy chế phối hợp công tác**

Sáng ngày 15/8/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Kiểm toán Nhà nước đã tổ chức Lễ ký kết Quy chế phối hợp công tác giữa Bộ Xây dựng (BXD) và Kiểm toán Nhà nước (KTNN).

Tham dự lễ ký kết, về phía BXD có Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, các Thứ trưởng: Cao Lại Quang, Nguyễn Trần Nam, Trần Văn Sơn, Bùi Phạm Khánh và Nguyễn Thanh Nghị cùng đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ; Về phía KTNN có ông Đinh Tiến Dũng - Tổng KTNN các Phó Tổng KTNN Cao Tấn Khổng, Lê Hoàng Quân, Đoàn Xuân Tiên, Hoàng Hồng Lạc và Nguyễn Quang Thanh cùng đại diện các đơn vị tham mưu thuộc bộ máy điều hành kiểm toán nhà nước.

Phát biểu mở đầu buổi lễ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao vai trò của KTNN trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn và chống thất thoát, tham nhũng. Bộ trưởng vui mừng trước nỗ lực làm việc của hai bên trong việc soạn thảo quy chế phối hợp công tác nhằm nâng cao hiệu quả và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BXD cũng như KTNN.

Thay mặt KTNN, Tổng Kiểm toán Nhà nước, ông Đinh Tiến Dũng khẳng định năm 2012 KTNN đẩy mạnh kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động tập trung vào những lĩnh vực xã hội quan tâm và bức xúc như kiểm toán tình hình sử dụng vốn ngân sách, vốn đầu tư, kiểm toán bộ máy, kiểm toán kiện toàn bộ máy...nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguồn lực, nguồn vốn.

Ông Trần Thanh Hà, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính (BXD) đã tóm tắt nội dung quy chế phối hợp công tác giữa KTNN và BXD. Quy chế bao gồm 3 chương, 8 điều, trong đó quy định rõ phạm vi, nguyên tắc, nội dung, phương



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Tổng KTNN Đinh Tiến Dũng tại Lễ ký*

thức phối hợp giữa hai bên cùng những trách nhiệm cụ thể của mỗi bên và các điều kiện tổ chức thực hiện. Theo đó, hai cơ quan sẽ phối hợp trong xây dựng kế hoạch kiểm toán; thực hiện kiểm toán; thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; tư vấn, trao đổi các thông tin liên quan đến hoạt động kiểm toán của KTNN và hoạt động quản lý nhà nước của BXD về xây dựng, kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, phát triển đô thị, nhà ở và công sở, kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng, quản lý nhà nước các dịch vụ công...; xây dựng, sửa đổi, bổ sung, tuyên truyền các dự án Luật, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản về chính sách, chế độ có liên quan đến hoạt động của KTNN và BXD theo chức năng, nhiệm vụ đã được pháp luật quy định. Quy chế nêu rõ phương thức phối hợp công tác giữa KTNN và BXD: trao đổi, tư vấn nghiệp vụ, giới thiệu chuyên gia, cộng tác viên kiểm toán, giới thiệu và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; phối hợp tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp, trao đổi thông tin và các hoạt động khác của hai cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên; cử cán bộ tham



gia phối hợp công tác trên nguyên tắc sự phối hợp giữa hai bên phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mỗi bên theo quy định của pháp luật, bảo đảm phát huy vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của mỗi bên và bảo đảm nguyên tắc độc lập, tuân thủ theo pháp luật, trung thực, khách quan trong hoạt động kiểm toán. Những trách nhiệm của KTNN như thông báo kế hoạch kiểm toán hàng năm cho BXD, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ công tác lập kế hoạch kiểm toán đảm bảo tiến độ, chất lượng, trao đổi thông tin, gửi báo cáo kiểm toán... cũng như những trách nhiệm của BXD

như thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra, cung cấp thông tin phục vụ công tác xây dựng và thực hiện kiểm toán cho KTNN... đều được quy định cụ thể trong quy chế phối hợp công tác giữa BXD và KTNN.

Cuối buổi Lễ, đại diện Bộ Xây dựng và đại diện Kiểm toán Nhà nước, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Tổng Kiểm toán Nhà nước Đinh Tiến Dũng đã ký và trao đổi Quy chế phối hợp công tác giữa Kiểm toán Nhà nước và Bộ Xây dựng.

Thu Huyền

## **Bộ Xây dựng và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ký kết Chương trình phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển nhà ở đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030**

Chiều ngày 29/8/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TLĐLĐVN) đã tiến hành ký kết Chương trình phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển nhà ở đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Tham dự Lễ Ký kết có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, Chủ tịch TLĐLĐVN Đặng Ngọc Tùng, Phó Chủ tịch TLĐLĐVN Mai Đức Chính, các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Nguyễn Trần Nam, Nguyễn Thanh Nghị, Cao Lại Quang, Phan Thị Mỹ Linh; lãnh đạo Văn phòng các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng và TLĐLĐVN, đại diện các Tập đoàn, các Tổng Công ty thuộc Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại Lễ ký, Chủ tịch TLĐLĐVN Đặng Ngọc Tùng cho biết, việc ký kết chương trình phối hợp hành động giữa Bộ Xây dựng và TLĐLĐVN là một bước cụ thể hóa thực hiện “Chiến lược Phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030”, và góp phần thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/1/2008 của BCH TW Đảng khóa X “Về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch TLĐLĐVN Đặng Ngọc Tùng tiến hành ký kết*

kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, trong đó nêu rõ: giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân, tạo được chuyển biến thật sự mạnh mẽ và rõ rệt trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân (về nhà ở tại các khu công nghiệp, tiền lương và thu nhập, nơi sinh hoạt văn hóa, cơ sở nuôi dạy trẻ...) tương xứng với những thành quả của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và những đóng góp của giai cấp công nhân.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Bộ Xây

dựng Trịnh Đình Dũng đã bày tỏ sự ủng hộ, sự đồng thuận với những quan điểm của TLĐLĐVN trong việc phối hợp cùng thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, xây dựng và tham mưu cho Chính phủ những chính sách đúng hướng, thể hiện tính nhân văn sâu sắc, mà nhà ở cho người nghèo - trong đó có đối tượng là công nhân KCN tập trung - là một minh chứng. Bộ trưởng nhấn mạnh: đến năm 2020, dự kiến số công nhân tập trung trong các KCN trên cả nước sẽ lên tới 7 triệu, diện tích nhà ở tương ứng cho công nhân cần tăng tới 33 triệu m<sup>2</sup>, với chất lượng phải đảm bảo, hạ tầng dịch vụ đồng bộ, có nơi vui chơi giải trí, có nhà trẻ trường học cho con em công nhân... Để thực hiện được mục tiêu này rất cần sự vào cuộc của các Bộ Ngành liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Ngân hàng Nhà nước; của các địa phương tập trung nhiều KCN như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Bình Dương... để có những cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp. Bộ trưởng cũng lưu ý cần tập trung vào một số nội dung cơ bản



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

khác của Chương trình như lựa chọn dự án cụ thể để triển khai, xây dựng ký túc xá cho sinh viên học sinh các trường Đại học, Cao đẳng dạy nghề, Trung học chuyên nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn. Bộ trưởng cũng đề cao vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện Chương trình, chú trọng tới các mô hình nhà ở phù hợp, mức giá hợp lý đối với người lao động.

Lệ Minh

## Họp Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội

Sáng ngày 14/8/2012, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo đã chủ trì cuộc họp của Ban Chỉ đạo (BCĐ) Quy hoạch & Đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội.

Tham dự cuộc họp có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn; Đại diện các Bộ, ngành liên quan: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên & Môi trường, Quốc phòng, Văn hoá - Thể thao & Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đại diện đơn vị tư vấn; Đại diện Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam, Hiệp hội Các đô thị Việt Nam; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Tại cuộc họp, đại diện đơn vị tư vấn - Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị & Nông thôn



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị

(VIAP) đã báo cáo tóm tắt về nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với tầm nhìn chiến lược đến năm 2050 sẽ là vùng

kinh tế tổng hợp lớn của quốc gia và khu vực châu Á - Thái Bình dương; là khu vực phát triển năng động, có chất lượng đô thị cao, môi trường đầu tư thuận lợi, phát triển bền vững. Mục tiêu nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô là nhằm tăng cường, nâng cao khả năng phát triển đô thị và các khu vực nông thôn trong vùng; khai thác tối đa tiềm năng của mỗi địa phương trong vùng. Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô còn là cơ sở cho việc lập và điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và liên kết hạ tầng trong vùng. Đây là nhiệm vụ rất cấp thiết nhằm cập nhật các định hướng phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh, thành phố trong vùng, đảm bảo tính thời sự phục vụ phát triển vùng.

Báo cáo của đơn vị tư vấn cũng nêu rõ phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch vùng Thủ đô, sẽ bao gồm Thủ đô Hà Nội và 9 tỉnh, với tổng diện tích hơn 24 nghìn km<sup>2</sup>, dân số (tính đến năm 2010) xấp xỉ 17 triệu người (mở rộng thêm 3 tỉnh tiếp giáp với Hà Nội là Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên so với Quyết định 490/2008/QĐ-TTg). Trên cơ sở phạm vi nghiên cứu, báo cáo đi vào các định hướng Quy hoạch cụ thể: định hướng quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, định hướng liên kết mạng lưới đô thị cấp vùng tỉnh, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế xã hội...

Phát biểu tại cuộc họp, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã nhấn mạnh vai trò quy hoạch không gian trong Quy hoạch Xây dựng vùng Thủ đô, nhấn mạnh đó là quy hoạch cứng, là cốt lõi của

nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch vùng Thủ đô. Theo Bộ trưởng, điều chỉnh Quy hoạch vùng Thủ đô cần được tiến hành không chỉ vì lợi ích của Thủ đô, mà qua đó mỗi địa phương trong vùng đều được tạo điều kiện thực hiện tốt chức năng được phân công của mình, thực hiện liên kết vùng, giảm áp lực cho đô thị trung tâm (thủ đô Hà Nội), xác định rõ trách nhiệm của từng địa phương đối với Thủ đô và với sự phát triển vùng nói chung, tạo động lực thúc đẩy kinh tế vùng phát triển. Bộ trưởng cũng lưu ý: trong vấn đề quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô, kinh nghiệm của các nước bạn là rất quý giá, song chúng ta cũng không nên quên những nét đặc trưng trong phát triển vùng miền của Việt Nam.

Tại cuộc họp, đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài nguyên & Môi trường cũng đã đóng góp nhiều ý kiến cho VIAP để hoàn chỉnh các điều chỉnh của Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô, như bổ sung thêm quy hoạch sử dụng đất quốc gia; bổ sung nhiệm vụ đánh giá hiện trạng đất sử dụng trong phạm vi Hà Nội mở rộng; đánh giá rõ hơn vai trò Quyết định 490/2008/QĐ-TTg nhằm xác định vai trò vùng Thủ đô và các đô thị trong vùng...

Kết luận cuộc họp, thay mặt BCĐ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã tán thành về cơ bản những nội dung trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch, và lưu ý VIAP nghiêm túc tiếp thu các ý kiến đóng góp, tập trung hoàn thiện báo cáo điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô theo đúng lộ trình và tiến độ thực hiện.

Lệ Minh

## **Thứ trưởng Cao Lại Quang tiếp đoàn doanh nghiệp Nhật Bản**

Sáng 22/8/2012, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã tiếp và làm việc với đoàn công tác Nhật Bản gồm đại diện Cty CP công nghiệp nặng Kawasaki, Cty CP Marubeni về việc triển khai dự án xử lý chất thải

sử dụng lò xi măng - hệ thống Zero tại Việt Nam. Tại buổi tiếp còn có đại diện của các Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ Xây dựng cùng tham dự.

Tại buổi tiếp, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã bày tỏ lời cảm ơn và sự quan tâm của Nhật Bản

về vấn đề xử lý chất thải rắn, một vấn đề mà Việt Nam đang phải đối mặt và gặp nhiều khó khăn, trong đó nổi cộm là vấn đề về công nghệ.

Theo số liệu của thành phố Hà Nội, mỗi ngày Hà Nội phát sinh khoảng 6.200 tấn rác, trong đó xử lý chôn lấp là 86%. Cùng với đó lượng nước thải phát sinh từ rác thải mỗi ngày phát sinh khoảng 800 tấn. Lượng khí nhà kính sinh ra là 18 triệu tấn/năm, lượng khí nhà kính sinh ra từ bùn thải là 17 triệu tấn/năm.

Để giải quyết thực trạng này, dưới sự hỗ trợ kinh phí của Bộ Môi trường Nhật Bản, Cty CP công nghiệp nặng Kawasaki, một trong những công ty đứng đầu trong lĩnh vực công nghiệp nặng ở Nhật Bản, đã từng tham gia nhiều vào các dự án xây dựng nhà máy điện, xi măng, sản xuất các thiết bị liên quan tới hoạt động xử lý môi trường phối hợp cùng với Công ty cổ phần Marubeni và Hiệp hội vệ sinh 23 quận Tokyo tiến hành điều tra tính khả thi của hệ thống thực hiện không phát thải, chi phí thấp bằng việc tạo gas từ chất thải đô thị để làm nguyên liệu cho nhà máy xi măng, các bước tiến hành của dự án trước hết là điều tra thực trạng chất thải ở Việt Nam, từ đó kiểm tra và sử dụng hệ thống Zero để xử lý rác thải đô thị. Thông qua hệ thống này có thể tạo khí gas từ lò tạo gas, sau đó dẫn khí gas đã tạo được trực tiếp đến lò xi măng bằng



Thứ trưởng Cao Lại Quang tiếp đoàn doanh nghiệp Nhật Bản

đường dẫn khói và thổi vào lò; sử dụng khí gas phân giải nhiệt và tro vào làm nguyên nhiên liệu cho quá trình tạo xi măng. Với công nghệ này sẽ hạn chế được việc phát sinh khí gas khiến trái đất nóng lên do sử dụng phương pháp xử lý chôn lấp rác thải, nước thải, điều đáng quan tâm hơn là kinh phí đầu tư vào hệ thống này rẻ hơn rất nhiều so với các công nghệ xử lý rác thải hiện nay. Theo tính toán ban đầu, chi phí xây dựng chỉ bằng 1/3 chi phí xây dựng một lò đốt rác thông thường. Hiện dự án này đang được nghiên cứu, triển khai áp dụng thí điểm tại Nhà máy xi măng Bút Sơn.

Bích Ngọc

## **Kiến nghị về việc đẩy mạnh tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải ở thành phố Thanh Đảo, Trung Quốc**

Tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải có nghĩa là hoạt động tái sử dụng gạch ngói phế thải, bê tông phế thải, đất và các phế liệu khác sinh ra trong quá trình thi công xây dựng mới, mở rộng, cải tạo, dỡ bỏ các công trình xây dựng, vật kiến trúc, mạng lưới đường ống và trang trí nhà cửa. Các hoạt động tái sử dụng này bao gồm trực tiếp lấy vật liệu phế thải này làm vật liệu hoặc tiếp tục sử dụng làm vật liệu sau khi sửa chữa, phục hồi, tái chế, hoặc sử

dụng toàn bộ hay một phần vật liệu phế thải làm một phần của sản phẩm, tái sử dụng vật liệu phế thải làm nguyên liệu.

### **I. Tình hình tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải ở thành phố Thanh Đảo hiện nay**

Do công cuộc xây dựng đô thị ở thành phố Thanh Đảo phát triển nhanh chóng, tổng khối lượng vật liệu phế liệu khi đào đường, xây dựng mới các công trình, dỡ bỏ công trình xây dựng cũ... năm 2010 vào khoảng 10 triệu m<sup>3</sup>, chiếm

40% tổng lượng rác thải đô thị toàn thành phố. Biện pháp xử lý vật liệu xây dựng phế thải chủ yếu của thành phố Thanh Đảo là dùng để san lấp vùng trũng hay tôn nền, một phần khác dùng cho gia công sỏi, tái tạo núi. Nhưng sau khi hoàn thành các công trình san lấp vùng trũng và tái tạo núi, các hạng mục cải tạo xây dựng vẫn tăng lên từng ngày, vấn đề xử lý rác thải đã trở nên nổi cộm. Tháng 1/2009, thành phố Thanh Đảo xây dựng bãi chôn rác tạm thời ở phía tây Thành Dương với diện tích 467 nghìn m<sup>2</sup> (khoảng 700 mẫu), có thể tiếp nhận 2,1 triệu m<sup>3</sup> rác, thời hạn sử dụng 2 năm, hiện nay cơ bản đã lấp đầy. Việc xử lý chôn vật liệu xây dựng phế thải chiếm dụng nhiều tài nguyên đất nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu xử lý vật liệu xây dựng phế thải, hiện tượng đổ trộm vật liệu xây dựng phế thải đôi khi vẫn xảy ra, gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường sinh thái và môi trường đô thị. Do đó cần phải tìm ra lối thoát mới cho công tác xử lý vật liệu xây dựng phế thải.

Công tác tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải của thành phố Thanh Đảo bắt đầu từ tháng 9/2009. Tuy muộn hơn so với một số thành phố khác, nhưng được sự giúp đỡ về kỹ thuật của Phòng thí nghiệm thuộc Trung tâm thí nghiệm bê tông - trường Đại học Lý Công Thanh Đảo, công tác tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải của thành phố này áp dụng những công nghệ kỹ thuật tái sử dụng tổng hợp tương đối tiên tiến hơn các thành phố khác. Tự chủ nghiên cứu phát triển thiết kế thiết bị xử lý vật liệu xây dựng phế thải, thay đổi phương thức sử dụng đơn nhất đối với vật liệu xây dựng phế thải (làm gạch tái sinh), thực sự khiến cho vật liệu xây dựng phế thải trở thành tài nguyên, dùng để sản xuất nhiều loại sản phẩm, sử dụng rộng rãi ở các trạm trộn bê tông, các công trình xây dựng, các công trình đường sá. Hiện nay, chỉ có một doanh nghiệp tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải năng suất hơn 1,2 triệu tấn /năm, tái sử dụng gia công 1,2 triệu tấn vật liệu xây dựng

phế thải thành vật liệu xây dựng tái sinh, sản xuất 150 nghìn m<sup>3</sup> gạch, 300 nghìn m<sup>3</sup> bê tông. Vật liệu xây dựng tái sinh đã được dùng để xây dựng tiểu khu Cảnh viên Hải Yến, tiểu khu điển hình thân thiện với môi trường Bát Đại Hồ...

## **II. Tầm quan trọng và tính cấp bách của việc đẩy mạnh tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải**

### **1. Giải quyết vấn đề thiếu vật liệu xây dựng, bảo vệ môi trường sinh thái**

Xây dựng đô thị quy mô lớn khiến cho thành phố Thanh Đảo có nhu cầu lớn về vật liệu xây dựng. Theo thống kê, mỗi năm toàn thành phố cần khoảng 12 triệu m<sup>3</sup> sỏi và cát sông, khoảng 40% số cát sỏi trong đó phải mua từ các vùng xung quanh. Thiếu nguồn cát sỏi ở địa phương, phải đi mua từ nơi khác với chi phí vận chuyển cao, khiến cho giá thành cát sỏi của thành phố Thanh Đảo liên tục gia tăng. Do lợi nhuận thúc đẩy, hiện tượng khai thác trộm cát sỏi không ngừng nảy sinh, phá hoại nghiêm trọng môi trường sinh thái. Nếu có thể triển khai kỹ thuật tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải ở thành phố Thanh Đảo thì sẽ giảm bớt sự căng thẳng do khan hiếm cát sỏi xây dựng, bảo vệ hữu hiệu môi trường sinh thái. Theo ước tính, cứ 10 triệu m<sup>3</sup> vật liệu xây dựng phế thải có thể sản xuất được 4,7 triệu m<sup>3</sup> vật liệu tái sinh.

### **2. Làm dịu bớt sức ép xử lý vật liệu xây dựng phế thải, tiết kiệm đất đai**

Hàng năm, chỉ riêng các dự án làm đường, xây nhà và phá dỡ công trình cũ... của thành phố Thanh Đảo đã sản sinh ra trên 10 triệu m<sup>3</sup> vật liệu phế thải. Gần đây, trừ một phần vật liệu phế thải được dùng để san lấp vùng trũng ven biển, chế biến thành vật liệu phụ gia, tái tạo núi..., còn lại phần lớn vật liệu xây dựng phế thải của thành phố Thanh Đảo không hề được xử lý, bị đơn vị thi công chuyển đến bãi chôn lấp vật liệu xây dựng phế thải hoặc vùng nông thôn, đổ thành đồng lộ thiên hoặc chôn. Việc chôn vật liệu xây dựng phế thải không những cần nhiều kinh phí cho việc mua đất, chôn

lấp..., chiếm dụng nhiều đất, mà còn có thể làm đứt chuỗi thức ăn, phá hoại nghiêm trọng chất lượng tài nguyên đất, thậm chí còn tạo ra mối nguy hại lâu dài. Đồng thời, bụi bặm sinh ra trong quá trình thu gom, vận chuyển phế thải cũng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Vì vậy, việc thu hồi và tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải có thể làm giảm bớt áp lực do thiếu năng lực tiếp nhận vật liệu xây dựng phế thải, tiết kiệm được nhiều đất đai.

### **3. Nâng cao trình độ quản lý đô thị, giải quyết nhu cầu cấp bách về xử lý vật liệu xây dựng phế thải**

Vấn đề vật liệu xây dựng phế thải đổ bừa bãi của thành phố Thanh Đảo đã trở thành vấn đề khó khăn bấy lâu nay của công tác quản lý đô thị. Do có ít bãi chôn vật liệu xây dựng phế thải, thiếu năng lực tiếp nhận, nên vấn đề đổ bừa bãi vật liệu xây dựng phế thải vẫn không chấm dứt nổi. Tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải có thể khiến cho vật liệu xây dựng phế thải biến thành tài nguyên quý giá, không những có thể tiết kiệm được chi phí xử lý mà còn có thể vận chuyển đến doanh nghiệp tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải nằm trong khu vực nội thành, rút ngắn được khoảng cách vận chuyển, giảm bớt giá thành vận chuyển. Vì lợi ích kinh tế thúc đẩy và chịu tác động của biện pháp pháp luật nghiêm ngặt, các doanh nghiệp xây dựng sẽ tích cực tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải, bán vật liệu xây dựng phế thải cho các doanh nghiệp tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải, từ đó có thể giảm bớt hoặc thậm chí có thể tránh khỏi vấn đề đổ bừa bãi vật liệu xây dựng phế thải, nâng cao trình độ quản lý đô thị.

### **4. Nhu cầu cấp bách của việc tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, xây dựng xã hội theo mô hình tiết kiệm**

Thành phố Thanh Đảo tích cực triển khai tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải làm nguyên liệu, sản xuất thành sản phẩm xây dựng. Trong quá trình đó, thành phố luôn kiên trì nguyên tắc giảm bớt lượng tồn đọng, tái sử dụng chúng, xử

lý không độc hại chúng. Mỗi năm thành phố có thể tiết kiệm 400 nghìn tấn nước dùng để rửa sỏi, tạo không gian rộng rãi cho việc tái sử dụng nước với quy mô lớn, năng lực cung ứng khoảng 100 nghìn tấn /ngày; lượng nước tái sinh được sử dụng bình quân mỗi ngày chỉ vào khoảng 32 nghìn tấn. Đẩy mạnh tái sử dụng vật liệu xây dựng phế thải có thể nâng cao tỷ lệ sử dụng nước tái sinh. Sử dụng thiết bị lọc ba cấp, có thể sử dụng triệt để nước tái sinh. Việc sản xuất theo chu trình khép kín, tránh sinh ra bụi bẩn và tiếng ồn, trang thiết bị trong chu trình sản xuất khép kín sẽ tự động thu hồi toàn bộ bụi, dùng để sản xuất gạch tái sinh, tránh gây ô nhiễm và sinh ra phế liệu xây dựng. Ngoài ra, trong sản xuất gạch tái sinh, dùng tro xỉ của nhà máy nhiệt điện làm nguyên liệu, tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải và xỉ đã mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả môi trường rõ rệt.

### **5. Hoàn thành mục tiêu sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải của chính quyền tỉnh**

Được sự đồng ý của chính quyền tỉnh Sơn Đông, 5 ban ngành của thành phố Thanh Đảo đã ban hành văn bản liên tịch “Một vài ý kiến về việc làm tốt hơn nữa công tác sử dụng vật liệu xây dựng phế thải”, yêu cầu các thành phố có quy hoạch độc lập phải thành lập doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, tỷ lệ tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải cuối năm 2012 phải đạt trên 80%, không xây dựng các bãi chôn vật liệu xây dựng phế thải, từng bước đóng cửa những bãi chôn lấp hiện có.

### **6. Nghiêm chỉnh chấp hành các yêu cầu bắt buộc của pháp luật**

Các luật hữu quan của Nhà nước như “Luật Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn”, “Luật Thúc đẩy sản xuất sạch”, “Luật Ngăn ngừa và xử lý vật liệu phế thải gây ô nhiễm môi trường”... quy định, không được đổ, chất đống, vứt bỏ bừa bãi vật liệu xây dựng phế thải. Đơn vị xây dựng tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải sinh

ra trong quá trình thi công được hỗ trợ tư ngân sách nhà nước và được xem xét miễn, giảm thuế VAT đối với các loại sản phẩm này. “Luật thúc đẩy sản xuất sạch” còn coi “tự giác tái sử dụng phế liệu, nhiệt năng thừa... hoặc chuyển nhượng cho doanh nghiệp và cá nhân có điều kiện sử dụng” là nghĩa vụ pháp định của doanh nghiệp. “Quy định quản lý vật liệu xây dựng phế thải đô thị” của Bộ Xây dựng Trung Quốc ban hành năm 2005 quy định chặt chẽ việc đổ, vận chuyển, chôn lấp, trung chuyển, tiếp nhận, tái sử dụng... vật liệu xây dựng phế thải. Cho nên, đẩy mạnh tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải là yêu cầu bắt buộc để thực hiện pháp luật Nhà nước.

### **III. Những vấn đề còn tồn tại**

#### **1. Nhận thức chưa thấu đáo**

*Một là* nhận thức chưa triệt để về tình hình thiếu tài nguyên trên thị trường vật liệu xây dựng thành phố Thanh Đảo, không thấy rõ tài nguyên cát của các con sông của thành phố Thanh Đảo đang ngày càng cạn kiệt, việc khai thác bừa bãi cát sông đe dọa và phá hoại nghiêm trọng đến sự ổn định của hình thái sông ngòi, an toàn đê điều và môi trường sinh thái... *Hai là*, không coi vật liệu xây dựng phế thải là tài nguyên. Không ý thức được rằng đến nay chúng ta đã có năng lực tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải. *Ba là*, chưa nhận thức triệt để về tái sản xuất trong xây dựng. Thị trường chưa chấp nhận nhiều về sản phẩm xây dựng tái sinh, còn phần nào hoài nghi chất lượng sản phẩm xây dựng tái sinh.

#### **2. Tiêu chuẩn quy phạm chưa đủ**

Theo số liệu thí nghiệm của Phòng thí nghiệm thuộc Trung tâm thí nghiệm bê tông trường Đại học Lý Công Thanh Đảo, thiết bị phân loại xử lý và dây chuyền tự động nghiền vụn vật liệu xây dựng phế thải do thành phố Thanh Đảo tự chủ phát triển sản xuất được vật liệu phụ gia thô và tinh có chất lượng cao hơn vật liệu phụ gia khai thác trong tự nhiên. Nhưng do hiện nay Nhà nước chưa ban hành tiêu

chuẩn vật liệu phụ gia tái sinh, nên các doanh nghiệp xây dựng còn nghi ngờ chất lượng vật liệu phụ gia xây dựng tái sinh, ảnh hưởng tới việc mở rộng ứng dụng. Thành phố Thanh Đảo đã biên soạn hai tiêu chuẩn “Vật liệu phụ gia thô tái sinh dùng cho bê tông và vữa trát” và “Vật liệu phụ gia tinh tái sinh dùng cho bê tông”, đang đợi Ủy ban Tiêu chuẩn Nhà nước phê chuẩn. Nếu hai tiêu chuẩn này được ban hành, chúng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ công tác tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải.

#### **3. Thể chế quản lý không hợp lý**

Thể chế quản lý hành chính công tác tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải thành phố Thanh Đảo còn nhiều điểm không hợp lý. Điều này biểu hiện chủ yếu ở hai mặt sau: *Một là*, không có ngành chủ quản rõ ràng, khó tiến hành quy hoạch, chỉ đạo, điều tiết và nghiên cứu thống nhất. Ủy ban Kinh tế và thông tin hóa thành phố Thanh Đảo là ban ngành chịu trách nhiệm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, tuy tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải là một phần của kinh tế tuần hoàn, nhưng do công tác này có tính chuyên ngành cao, có liên quan tới nhiều quy phạm và tiêu chuẩn ngành. Các ban hữu quan của Ủy ban Xây dựng đang thúc đẩy và chỉ đạo công tác này trong thực tế. *Hai là*, không có ban ngành thống nhất để giám sát và quản lý công tác xử lý vật liệu xây dựng phế thải. Hiện nay, thành phố Thanh Đảo căn cứ vào tình hình cụ thể của công tác tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, trao quyền giám sát quản lý cho hai ban ngành hành chính: ủy ban Xây dựng thành phố chịu trách nhiệm quản lý vật liệu xây dựng phế thải dùng để tái sử dụng; Cục Công cộng hành chính thành phố chịu trách nhiệm quản lý vật liệu xây dựng phế thải chôn lấp. Sự phân chia trách nhiệm này được xác định tùy theo biện pháp xử lý cuối cùng, không có tiêu chuẩn khách quan thống nhất, dễ dẫn tới chồng chéo chức năng quản lý giữa các ngành hoặc bỏ sót không ngành nào quản lý.

#### **4. Chính sách khuyến khích không triệt để**

Hệ thống pháp quy và chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn của thành phố Thanh Đảo không hoàn thiện, cần phải tiếp tục thực thi các chính sách khuyến khích hữu quan như chính sách khuyến khích các ngành sản xuất, chính sách thuế, chính sách đất đai, chính sách tín dụng, tiêu chuẩn thị trường... Ví dụ, hiện nay Công ty TNHH vật liệu xây dựng tái sinh Lục Phần mua vật liệu xây dựng phế thải với giá 7 NDT/ tấn, nhưng bên bán vật liệu xây dựng phế thải thường không chịu thuế giá trị gia tăng của vật liệu xây dựng phế thải, khiến cho doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải không được khấu trừ phần thuế này vào thuế thu nhập, phải nộp thuế giá trị gia tăng tương đương với 17% thuế thu nhập. Như vậy, đã nâng cao thêm giá thành kinh doanh của doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, hạ thấp sức cạnh tranh thị trường, không thể hiện triệt để chính sách của Nhà nước khuyến khích các hoạt động tái sử dụng tổng hợp vật liệu phế thải rắn.

#### **5. Biện pháp đồng bộ thiếu kiện toàn**

*Một là*, chưa xây dựng chế độ phân loại vật liệu xây dựng phế thải. Phân loại vật liệu xây dựng phế thải là cơ sở để tái sử dụng. Chế độ phân loại chưa được xây dựng sẽ làm tăng giá thành phân loại, giảm bớt hiệu quả tái sử dụng. *Hai là*, thiếu tuyên truyền rộng rãi. Quần chúng trong xã hội chưa hiểu rõ về kỹ thuật tái sản xuất sản phẩm, chưa thừa nhận về chất lượng của sản phẩm tái sinh, các ngành hữu quan chưa có biện pháp hữu hiệu khuyến khích mua sản phẩm tái sinh. *Ba là*, chưa giám sát quản lý ngăn chặn nghiêm ngặt hiện tượng đổ rác bừa bãi, phạt chưa nặng, thiếu sức răn đe, khiến cho một số doanh nghiệp vận chuyển vật liệu xây dựng phế thải có tâm lý cầu may, tiếp diễn hành vi đổ rác bừa bãi, vừa ảnh hưởng tới bộ mặt đô thị vừa lãng phí tài nguyên là vật liệu xây dựng phế thải.

#### **V. Những kiến nghị đẩy mạnh tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải**

##### **1. Đề ra pháp quy hoặc điều lệ chuyên môn**

Tuy “Luật Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn”, “Luật Thúc đẩy sản xuất sạch”, “Luật Ngăn ngừa và xử lý vật liệu phế thải gây ô nhiễm môi trường”... đã có những quy định nhưng còn tương đối chung chung và phân tán, chưa chú trọng tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải. “Quy định quản lý vật liệu xây dựng phế thải đô thị” nghiêng về quy định thu gom, vận chuyển và xử lý vật liệu xây dựng phế thải, ít khuyến khích và quy định tái sử dụng chúng. Điều này khiến cho công tác tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải không có đơn vị hữu quan cụ thể tổ chức thực hiện và giám sát quản lý, một số quy định pháp luật không được thực hiện triệt để. Kiến nghị nên học tập kinh nghiệm lập pháp của Thâm Quyển và các nước phát triển, tiến hành quy phạm hoạt động tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải thông qua hình thức lập pháp địa phương hoặc quy tắc điều lệ của chính quyền, giảm thiểu những trở ngại về cơ chế thể chế, thúc đẩy ngành tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải phát triển.

##### **2. Điều chỉnh thể chế quản lý**

Đứng trước thực trạng chức năng quản lý hành chính phân tán, chức trách không rõ ràng ở mặt tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, kiến nghị thành lập bộ máy chuyên thúc đẩy và giám sát quản lý công tác tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, hình thành ngành chủ quản hành chính xây dựng cấp thành phố, dựa vào chức năng quản lý phát triển bất động sản, dỡ bỏ, thi công công trình xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng để phụ trách giám sát quản lý thống nhất tình hình xử lý vật liệu xây dựng phế thải, quy hoạch và chỉ đạo thống nhất thành lập doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, chịu trách nhiệm thực hiện chính sách



phổ cập và trợ giúp sản phẩm tái sinh từ vật liệu xây dựng phế thải. Thay đổi quan niệm lạc hậu xử lý vật liệu xây dựng phế thải như một loại rác thải, tạo dựng quan niệm mới coi vật liệu xây dựng phế thải là nguồn vật liệu xây dựng, tích cực đẩy mạnh triển khai công tác tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải.

### **3. Xây dựng các chế độ hữu quan**

- Xây dựng chế độ phân loại vật liệu xây dựng phế thải: phân loại vật liệu xây dựng phế loại là giai đoạn cần thiết để tiến hành tái sử dụng. Thông qua phân loại vật liệu xây dựng phế thải, có thể giảm bớt lượng rác thải xây dựng, nâng cao tỷ lệ tái sử dụng. Các nước phát triển như Nhật Bản, Đức... đã nghiêm túc xây dựng chế độ phân loại vật liệu xây dựng phế thải, khiến cho vật liệu xây dựng phế thải trở thành tài nguyên thông qua phân loại và thu hồi triệt để. Các thành phố trong nước như Chu Sơn... cũng đang thực hiện quy định bắt buộc thành lập điểm phân loại vật liệu xây dựng phế loại khu vực nội thành. Kiến nghị nên học tập kinh nghiệm hữu quan trong và ngoài nước, từng bước quản lý phân loại, xử lý tập trung vật liệu xây dựng phế thải.

- Xây dựng chế độ thu phí đổ rác thải xây dựng: Hiện nay, thành phố Thanh Đảo đang thu phí xử lý rác đối với vật liệu xây dựng phế thải. Khi dỡ bỏ, cải tạo nhà cửa, thành phố thường tính tiền xử lý tùy theo diện tích nhà cửa, khối lượng viên hữu hiệu tính tích cực giảm thiểu lượng rác thải xây dựng và tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải của đơn vị xây dựng. Kiến nghị, ngành chủ quản nên căn cứ vào tình hình phân loại và lượng vật liệu xây dựng phế thải thu phí đổ rác thải xây dựng từ các đơn vị xây dựng hoặc chủ đầu tư, dùng toàn bộ số tiền thu được này để giúp đỡ công tác giảm thiểu và tái sử dụng rác thải xây dựng.

- Đề ra và thực hiện chế độ khuyến khích tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải. “Luật Ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường do chất thải rắn” quy định, Nhà nước áp dụng

các chính sách và biện pháp kinh tế, kỹ thuật có lợi cho hoạt động tái sử dụng tổng hợp chất thải rắn, thu hồi triệt để và tái sử dụng hợp lý chất thải rắn. Đối với công tác tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, cần phải xây dựng các chế độ trợ giúp chủ yếu sau: *Một là*, cần phải đề ra một cách hợp lý quy hoạch phân bố doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, miễn giảm tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất xây dựng nhà xưởng. *Hai là*, cần xây dựng chế độ ưu tiên mua sản phẩm tái sinh. Theo quy định “Luật Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn”, Nhà nước thực hiện chính sách thu mua sản phẩm tái sinh có lợi cho phát triển kinh tế tuần hoàn, cần phải ưu tiên mua sản phẩm tái sinh và sản phẩm tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, tiết kiệm vật liệu, có lợi cho bảo vệ môi trường. Vì vậy, kiến nghị cần yêu cầu rõ ràng phải ưu tiên mua vật liệu xây dựng tái sinh khi sử dụng tiền vốn ngân sách mua vật liệu xây dựng. *Ba là*, cần phải hoàn thiện chế độ ưu đãi về thuế. Theo quy định của điều 35 “Luật Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn”, đối với các doanh nghiệp sử dụng sản phẩm tái sinh từ phế liệu và thu hồi nguyên liệu từ phế liệu, cơ quan thuế sẽ căn cứ vào quy định hữu quan của Nhà nước, miễn giảm thuế giá trị gia tăng. Vì vậy, cần phải thực hiện chính sách ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, khuyến khích họ tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải. Kiến nghị nên học tập biện pháp của các nơi như Thâm Quyển..., cung cấp miễn phí vật liệu xây dựng phế thải cho các doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải.

- Xây dựng chế độ tuyên truyền rộng rãi. Căn cứ vào quy định của Điều 10 và Điều 16 “Luật Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn”, các ngành chủ quản hành chính hữu quan phải cung cấp thông tin về mặt cung cầu phế liệu có thể tái sử dụng. Các cấp chính quyền cần phải thông qua tuyên truyền, giáo dục..., khuyến khích nhân dân mua sản phẩm tái sinh, tiết kiệm năng

lượng, tiết kiệm nước, có lợi cho bảo vệ môi trường. Bởi vậy, ngành chủ quản hành chính hữu quan phải cung cấp thông tin về cung cầu vật liệu xây dựng phế loại cho doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, phải tăng cường tuyên truyền, khuyến khích mua và sử dụng sản phẩm xây dựng tái sinh, phải khuyến khích đầu tư xây dựng doanh nghiệp tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, mở rộng quy mô sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải trên thị trường.

#### **4. Tạo ra môi trường bên ngoài thuận lợi**

*Một là*, tăng cường ý thức về giảm thiểu lượng vật liệu xây dựng phế thải, nghiên cứu tổng hợp từ các mặt như kỹ thuật, quản lý...quán triệt quan niệm sản xuất sạch trong toàn bộ quá trình thi công công trình. Tối ưu hóa thiết kế công trình xây dựng, bảo đảm chất lượng và độ bền vững của công trình xây dựng, cải tiến công nghệ xây dựng, áp dụng kỹ thuật thi công không có hoặc ít vật liệu phế thải, xây

dựng ý thức bảo vệ môi trường cho nhân viên thiết kế công trình xây dựng và nhân viên thi công. *Hai là*, tìm tòi biện pháp mới để tăng cường tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải. Ví dụ, áp dụng kỹ thuật tái sử dụng tổng hợp vật liệu xây dựng phế thải, tạo ra vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, học tập các thành phố như Thiên Tân, Thạch Gia Trang...sử dụng rác thải xây dựng để đắp núi nhân tạo làm đẹp cảnh quan. Ba là cần phải tăng cường điều tra xử lý các hiện tượng đổ rác thải xây dựng bừa bãi, điều tra và đóng cửa các bãi đổ phế thải xây dựng phế thải tư nhân, phạt nặng các hành vi vi phạm quy định hữu quan, khiến cho mọi vật liệu xây dựng phế thải đều được xử lý hoặc tái sử dụng theo quy định của pháp luật.

**Vạn Chấn Đông - Lưu Chí Vinh**

*Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn”  
số 3/2012*

**ND: Hoàng Thế Vinh**

## **Biện pháp nâng cao chất lượng quản lý công tác mời thầu thi công xây dựng**

Cùng với sự phát triển của các ngành và nhu cầu trong sản xuất kinh doanh, số lượng các dự án xây dựng công trình cũng không ngừng gia tăng. Để thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về công tác mời thầu thi công xây dựng và đối mặt với các vấn đề tồn tại của thị trường gọi thầu, đấu thầu, trong quá trình mời thầu cần hiểu rõ những tồn tại để đưa ra những biện pháp giải quyết tương ứng.

### **I. Vấn đề tồn tại**

Hiện nay, thị trường mời thầu không ngừng được sự hoàn thiện dưới sự ràng buộc của các quy định pháp luật, tuy nhiên vẫn còn tồn tại rất nhiều vấn đề chưa quy phạm, chủ yếu là các phương diện dưới đây:

#### **1. Lựa chọn hình thức tổ chức mời thầu không phù hợp**

Bên giao thầu tự tổ chức mời thầu: Bên giao thầu không theo yêu cầu trình tự quy định, sắp xếp nhân viên kỹ thuật chuyên ngành thành thạo trình tự quản lý mời thầu tham dự hoặc ủy quyền tổ chức công tác mời thầu mà chỉ phân công nhân viên có liên quan thực hiện công tác mời thầu trong khi trình tự công tác đó không đến nơi đến chốn. Ví dụ, không tìm hiểu sâu và kỹ càng trong quá trình thẩm tra tư cách của người dự thầu, thẩm tra năng lực, khảo sát thành tích kinh doanh, tình hình tài chính ...

Cơ cấu ủy thác đại lý tổ chức mời thầu có những tồn tại như: không lựa chọn cẩn thận cơ cấu đại lý, cơ cấu đại lý được xác định quá coi trọng lợi ích bản thân, nhân lực và sức lực đầu tư vào không đủ, chỉ làm một số công tác mang tính hành chính thông thường như: chỉ cung cấp

cho bên giao thầu nội dung văn bản (bản mẫu) mời thầu thông dụng của Cơ quan chủ quản hành chính xây dựng, sau đó tổ chức mời thầu; Không căn cứ theo quy định về trình tự quản lý mời thầu của Nhà nước hoặc Chính quyền địa phương, tách khỏi bên giao thầu để làm một số công việc không quy phạm. Ví dụ, theo quy định, việc thẩm tra tư cách sẽ thẩm tra về tư cách và uy tín của người dự thầu cũng như tư cách của nhân viên công tác liên quan... thông qua Cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý hành chính xây dựng khu vực, nhưng cơ cấu đại lý gọi thầu lại bỏ qua khâu này, thao tác trái quy định, tự động tổ chức, làm mất đi tính công bằng trong mời thầu; Công tác thẩm tra tư cách không cẩn thận, không chặt chẽ. Ví dụ, khi thẩm tra năng lực, bộ phận tài liệu tư cách nhân viên và năng lực doanh nghiệp cung cấp là mượn dùng pháp nhân hoặc năng lực của người khác ..., công tác đại lý không chân thực, tư liệu kiểm tra không chi tiết, điều này tạo ra rất nhiều hiểm họa trong thực hiện công trình sau này.

## **2. Biên soạn văn bản gọi thầu không cụ thể**

Khi soạn văn bản gọi thầu, không kết hợp chặt chẽ với đặc điểm và nhu cầu về hạng mục công trình, chỉ là trình tự thông thường trong gọi thầu, thiếu nội dung toàn diện, chi tiết, mang tính khả thi; trong văn bản gọi thầu, các yêu cầu liên quan trong thực thi quản lý công trình chưa soạn các thuyết minh và yêu cầu đối ứng các điều khoản hợp đồng chuyên dụng khiến cho việc ký kết hợp đồng sau này khó đạt được sự thống nhất, để lại vấn đề khó cho quá trình thi công xử lý.

Khi soạn thảo văn bản mời thầu, trong các điều khoản chuyên dụng của hợp đồng thi công công trình chưa đưa ra tiến độ công trình, yêu cầu chất lượng cụ thể cũng như phương thức tính giá và các yêu cầu về thay đổi thiết kế, thiếu sót trong báo giá gói thầu, khối lượng công việc tăng giảm, biến động..., trở thành một trong những nguyên nhân khiến cho việc ký kết hợp đồng sau

này không thể đạt được thống nhất.

Khi soạn thảo văn bản mời thầu, một mặt, để đơn giản hóa công tác soạn thảo văn bản mời thầu, đã lựa chọn mô hình hợp đồng truyền thống có thể điều chỉnh giá, điều này đem đến cho bên giao thầu những yếu tố rủi ro về khối lượng và giá không xác định trong thi công công trình; mặt khác, sử dụng mô hình tính giá hợp đồng theo bảng khối lượng công trình, tuy khá công bằng hợp lý đối với đôi bên xong trong quá trình soạn thảo văn bản mời thầu, vì những nguyên nhân như nghiệp vụ người soạn thảo chưa thành thục, tinh thần trách nhiệm không cao ...việc soạn thảo bảng khối lượng công trình trở nên không chân thực, dẫn đến khối lượng công việc thực tế biến động khá lớn, điều này mang lại những rủi ro do thay đổi khối lượng công việc trong quá trình thực hiện thi công công trình.

## **3. Tổ chức khảo sát hiện trường và giải đáp thắc mắc không quy phạm**

Trước khi mời thầu mỗi hạng mục công trình đều cần tổ chức khảo sát hiện trường và giải đáp những thắc mắc cần thiết, xuất phát từ mục đích muốn thuận tiện cho công tác của mình, bên giao thầu hoặc cơ cấu đại lý tổ chức cho những người đấu thầu đi khảo sát hiện trường và thực hiện công tác giải đáp thắc mắc trực tiếp. Cách làm này trước hết làm tổn hại đến lợi ích giữa các nhà đấu thầu, tiết lộ thân phận, đồng thời chịu sự quấy nhiễu của những người đấu thầu bất bình thường, làm ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau tới công tác của người đấu thầu bình thường; Thứ hai, việc khảo sát hiện trường và giải đáp thắc mắc không quy phạm đem lại những điều kiện thuận lợi cho sự thông đồng lẫn nhau cho những người đấu thầu bất bình thường để đạt được mục đích làm tổn hại người khác, mất đi tính công bằng trong mời thầu, cuối cùng làm tổn hại tới lợi ích của bên giao thầu.

## **4. Thời gian tổ chức thẩm định hồ sơ dự thầu không đầy đủ**

Do thời gian xét thầu ngắn, trong quá trình chuyên gia xét thầu không thể nắm vững hoàn toàn các nội dung và những yêu cầu đặc biệt của văn bản mời thầu, cũng không kịp xem xét kỹ lưỡng tình hình hưởng ứng văn bản mời thầu, chỉ có thể trong vài tiếng đồng hồ ngắn ngủi dựa vào cảm giác, kinh nghiệm tiến hành đánh giá cho điểm, tiến cử ứng cử viên trúng thầu, cuối cùng, người trúng thầu rất khác so với người trúng thầu đạt chuẩn như yêu cầu ban đầu của bên giao thầu, điều này cũng đem lại những ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau đối với việc ký kết và thực hiện hợp đồng thi công sau này.

## **II. Biện pháp nâng cao chất lượng quản lý thị trường mời thầu**

Công tác trong giai đoạn mời thầu càng toàn diện, càng chi tiết thì càng có lợi cho việc ký kết hợp đồng thi công về sau, tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng trong đấu thầu. Vì vậy, công tác trong giai đoạn mời thầu trực tiếp liên quan tới việc quản lý toàn quá trình thi công, do đó cần hoàn thiện tốt những biện pháp dưới đây.

### **1. Lựa chọn hình thức tổ chức mời thầu phù hợp với hạng mục công trình**

Lựa chọn hình thức tổ chức mời thầu phù hợp với hạng mục công trình: bên giao thầu tự tổ chức gọi thầu, lựa chọn nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, có kỹ thuật chuyên ngành liên quan, đồng thời có năng lực soạn thảo văn bản mời thầu để tổ chức công tác mời thầu; ủy thác tổ chức mời thầu: bên giao thầu cần ủy thác đơn vị đại lý có năng lực tương ứng và uy tín tốt để mời thầu; cho dù là tự tổ chức mời thầu hay ủy thác đại lý mời thầu, đều cần nghiêm chỉnh tuân thủ trình tự quản lý mời thầu, tổ chức cẩn thận công tác mời thầu.

### **2. Nâng cao chất lượng soạn thảo văn bản mời thầu**

Nội dung của văn bản mời thầu không những phải phù hợp với các quy định mang tính bắt buộc của Nhà nước mà còn cần kết hợp chặt chẽ với đặc điểm của hạng mục công trình

và nhu cầu của bên giao thầu, nội dung cần toàn diện, chi tiết, mang tính khả thi.

Trong văn bản mời thầu, cần làm rõ các điều khoản riêng của hợp đồng thi công công trình. Một là, xác định rõ phạm vi rủi ro phải gánh vác của hai bên và biện pháp điều chỉnh sau khi thỏa thuận; Hai là, xác định rõ vấn đề thay đổi khối lượng, giá dự kiến thực hiện, thiếu sót báo giá đấu thầu, điều chỉnh giá, vấn đề chất lượng công trình và thời gian hoàn thành công trình; Ba là, xác định rõ tiến độ và phương thức tạm ứng, thanh quyết toán công trình; xác định các yêu cầu về biện pháp thi công, đảm bảo an toàn...; Bốn là, xác định rõ việc nghiệm thu, thanh toán công trình.

Cần cứ theo loại, quy mô, mức độ kỹ thuật phức tạp của hạng mục công trình để xác định phương thức quyết toán công trình hợp lý. Hợp đồng có thể điều chỉnh giá là bên giao thầu không những phải gánh vác rủi ro khi thay đổi khối lượng công trình mà còn phải gánh những rủi ro do biến động giá; bản liệt kê khối lượng công trình là bên giao thầu gánh vác rủi ro khi thay đổi khối lượng công trình, bên nhận thầu gánh vác rủi ro do biến động giá cả, phương thức tính giá của loại hợp đồng này cần hợp lý. Sử dụng bản kê khối lượng nhất định cần chú ý tính chuẩn xác của khối lượng công trình. Sử dụng phương thức liệt kê khối lượng công trình trong văn bản mời thầu cần đặc biệt chú ý hai điểm: Một là, cho phép người đấu thầu tiến hành báo giá không cân bằng; Hai là, cần biết cách chuyển dịch rủi ro hợp lý, trong điều khoản riêng của hợp đồng cần ghi chú rõ sai sót bản vẽ có thể tồn tại, thiếu sót trong liệt kê khối lượng hoặc khối lượng không chuẩn xác ..., yêu cầu những người đấu thầu thẩm duyệt bản vẽ cẩn thận, đồng thời trong khoảng thời gian nhất định trước khi mở thầu sử dụng hình thức văn bản đưa ra kiến nghị đối với người mời thầu sửa chữa, thay đổi bản vẽ hoặc điều chỉnh khối lượng công trình, nếu không, những sai sót về bản vẽ gây ra chi phí phát sinh trong quá

trình thực thi công trình thì bên nhận thầu phải tự gánh chịu.

### **3. Bên giao thầu không tiết lộ danh tính người đấu thầu**

Sau khi thông qua thẩm tra tư cách, bên giao thầu tổ chức cho người đấu thầu tiềm năng đơn độc tiến hành khảo sát hiện trường, đồng thời sử dụng các phương pháp như thư tín, mạng internet, thư điện tử ...tiến hành giải đáp thắc mắc cho tất cả người đấu thầu, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của những người đấu thầu, đảm bảo chắc chắn bên giao thầu không tiết lộ thân phận của những người đấu thầu.

### **4. Xác định hợp lý thời hạn xét thầu, quy phạm hành vi nhân viên xét thầu**

Khi xét thầu, cần căn cứ theo các nhân tố như loại công trình, quy mô, mức độ phức tạp kỹ thuật ..., xác định hợp lý thời hạn xét thầu, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cho công tác xét thầu của chuyên gia.

Trong quá trình xét thầu, bên giao thầu cần

cứ quy định của “Biện pháp xét thầu”, một mặt thực hiện chức trách xét thầu cẩn thận, giới thiệu cho các chuyên gia xét thầu về yêu cầu thực chất của văn bản mời thầu; mặt khác cần kiểm soát hành vi xét thầu mang tính tùy tiện của các chuyên gia, căn cứ đầy đủ các yêu cầu của văn bản mời thầu và các văn bản đấu thầu để tiến hành so sánh, chỉ ra những hồ sơ đấu thầu không phù hợp yêu cầu, lựa chọn người đấu thầu phù hợp với văn bản mời thầu nhất.

Làm tốt công tác trong giai đoạn mời thầu sẽ thúc đẩy có hiệu quả việc thực hiện thuận lợi của các công tác về sau, điều này có lợi cho việc đảm bảo lợi ích của bên giao thầu và bên nhận thầu.

**Vương Trung**

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung*

*Quốc, số 9/2011*

**ND: Kim Nhạn**

## **Con đường xây dựng mô hình đô thị hóa cacbon thấp ở Tương Tây - tỉnh Hồ Nam**

Tương Tây là châu tự trị Thổ Gia, dân tộc Miêu Tương Tây (hay còn gọi là Tương Tây). Kể từ khi được thành lập từ tháng 9/1957 cho tới nay, các huyện thị nơi đây đã không ngừng xây dựng và phát triển. Đặc biệt là sau khi mở rộng công cuộc cải cách, các huyện thị đã bước vào giai đoạn phát triển toàn diện. Đến cuối năm 2010, tốc độ đô thị hóa của Tương Tây đạt 37%, mức độ đô thị hóa đã dần rút ngắn khoảng cách với các tỉnh thành khác trên cả nước. Tuy nhiên, nếu cho rằng việc chuyển dịch dân cư là con đường đô thị hóa mang tính đặc trưng truyền thống, trước mắt, đã không thể đáp ứng với nhu cầu phát triển của xã hội, đặc biệt là sau thời kỳ khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Những khu vực chậm phát triển đang nhanh chóng thúc đẩy phát triển theo mô hình đô thị hóa, việc làm này vừa mang lại hiệu quả

kinh tế vừa phát triển nhanh, đây cũng là xu hướng chung của toàn xã hội.

### **I. Tính khả thi của con đường xây dựng mô hình đô thị hóa cacbon thấp**

#### **1. Đáp ứng những yêu cầu của thời đại đô thị hóa**

Thế kỷ 21 là thời đại của thông tin, là thời đại của đô thị hóa. Con đường xây dựng mô hình đô thị hóa của những quốc gia phát triển ở các nước phương Tây bước đầu cũng là sự chuyển dịch dân cư rồi đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trên cơ sở, điều chỉnh cơ cấu sản xuất công nghiệp, nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế cacbon thấp, thúc đẩy đô thị hóa phát triển bền vững. Hiện một số tỉnh thành của Trung Quốc cũng đang xây dựng mô hình cacbon thấp trong đô thị, bước đầu đã đạt được hiệu quả cao, ví dụ như thành phố Thành Đô - tỉnh Tứ

Xuyên là một trong những thành phố đang phát triển mạnh mô hình đô thị hóa cacbon thấp đã đạt hiệu quả rõ rệt. Trước những thành quả và lợi ích kinh tế có được nhờ vào việc thực hiện theo mô hình cacbon thấp của một số tỉnh thành trong cả nước và của các nước trên thế giới, việc xây dựng đô thị cacbon thấp trở thành một trong những nhu cầu quan trọng để thúc đẩy các tỉnh thành trên cả nước phát triển theo mô hình đô thị hóa. Tương Tây là một khu vực có nền kinh tế kém phát triển, nằm ở địa bàn xa xôi hẻo lánh, gặp nhiều khó khăn trong việc mở rộng và phát triển, do vậy, để đảm bảo quán triệt thực hiện chiến lược “4 hóa 2 mô hình” (4 hóa có nghĩa là: công nghiệp hóa, nông nghiệp hóa, đô thị hóa, thông tin hóa; 2 mô hình: mô hình tiết kiệm năng lượng và mô hình môi trường thân thiện) của chính quyền Tỉnh, kết hợp với tình hình thực tế, Tương Tây nỗ lực phát huy ưu thế tài nguyên, nỗ lực tìm hiểu và tham khảo những mô hình đô thị hóa cacbon thấp của các tỉnh thành trong cả nước và của các nước trên thế giới, đưa Tương Tây trở thành khu vực giàu mạnh, điều này cũng phù hợp với những yêu cầu của thời đại đô thị hóa.

## **2. Nhu cầu phát triển đô thị hóa**

Kể từ khi Tương Tây được thành lập cho đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, chính quyền các cấp, mức độ đô thị hóa đã tăng lên hàng năm, đến năm 2010 tỷ lệ đô thị hóa đã đạt 37%. Nhưng do chịu sự hạn chế bởi điều kiện lịch sử và tự nhiên, tiến trình đô thị hóa diễn ra tương đối muộn, chưa đạt hiệu quả cao, việc thúc đẩy đô thị hóa vẫn gặp nhiều khó khăn. Chẳng hạn như mức độ bức xạ kinh tế tại các khu trung tâm trong khu vực còn chưa cao; công tác quản lý xây dựng tại những huyện thị nhỏ còn lộn xộn, vấn đề môi trường trong các huyện thị cũng là chủ đề nóng đang được quan tâm. Trước mắt, tiến trình xây dựng mô hình đô thị hóa của Tương Tây vẫn đang được thực hiện, sự phát triển của các ngành công nghiệp truyền thống có mức tiêu thụ năng lượng, phát

thải, ô nhiễm cao vẫn được xem là những ngành kinh tế trụ cột. Mặc dù các ngành công nghiệp truyền thống đã có những đóng góp mang tính đột phá cho Tương Tây trong một thời gian khá dài, nhưng trước thực trạng suy thoái môi trường, xây dựng lặp đi lặp lại diễn ra quá nhiều, các quyết sách chưa thực sự phát huy hết hiệu lực, việc lựa chọn mô hình đô thị hóa cacbon thấp đã trở thành lựa chọn tất yếu cho sự phát triển bền vững. Việc làm này sẽ giúp mang lại một không gian phát triển, một đô thị giảm phát thải, giảm ô nhiễm, giảm tiêu hao năng lượng.

## **3. Chính sách hỗ trợ mạnh mẽ**

Trên con đường đô thị hóa, Tương Tây kiên trì kết hợp phát triển đô thị và nông thôn, coi trọng sự phát triển của các thị trấn là bước đột phá trong việc thực hiện chính sách Tam Nông (nông nghiệp, nông thôn và nông dân). Tương Tây đã xây dựng các kế hoạch, quy hoạch chi tiết xê xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng cho các huyện, thị, thiết lập các hệ thống dịch vụ công cộng, quản lý nhân khẩu, chính sách phát triển kinh tế, quy hoạch sử dụng đất... tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đô thị hóa bền vững.

Nhận thức được tiềm năng và thế mạnh của Tương Tây về kinh tế du lịch, Chính quyền Tương Tây đã đề ra các chính sách và có những hành động cụ thể nhằm phát triển du lịch ở Tương Tây, góp phần thúc đẩy Tương Tây phát triển và tăng trưởng trong tương lai.

## **4. Cơ sở thực tế vững chắc**

Những năm gần đây, Tương Tây đã nắm bắt cơ hội của lịch sử để phát triển những điểm du lịch nổi tiếng trong toàn khu vực, đưa nền kinh tế du lịch của Tương Tây trở thành nền kinh tế chủ đạo. Đến cuối năm 2009, những địa điểm danh lam thắng cảnh của Tương Tây đã xếp vị trí đứng đầu toàn tỉnh về chủng loại cũng như điểm hấp dẫn của nó. Hiện nay, Tương Tây có tất cả hơn 40 điểm danh lam thắng cảnh cấp tỉnh và cấp quốc gia, tại mỗi thị trấn huyện đều

có một khu danh lam thắng cảnh cấp tỉnh trở lên. Nền kinh tế du lịch của Tương Tây có nhiều đóng góp cho sự phát triển toàn diện của khu vực: năm 2010, doanh thu từ du lịch của Tương Tây đạt hơn 6 tỷ NDT, chiếm 20,85 tổng GDP, ngành du lịch vẫn tiếp tục phát triển hơn nữa, từng bước tạo ra một nền tảng vững chắc để thúc đẩy toàn khu vực xây dựng và phát triển theo mô hình đô thị hóa cácbon thấp. Tuy nhiên, trước mắt, mức độ đô thị hóa của Tương Tây còn thấp, trình độ công nghiệp hóa chưa cao đã kìm hãm Tương Tây trên con đường phát triển theo mô hình đô thị hóa. Mặc dù vậy, nhưng Tương Tây không cần thiết phải phá bỏ cấu trúc sản xuất công nghiệp và nền tảng vốn có, thông qua sự du nhập của các ngành công nghiệp tiên tiến, đổi mới cơ chế, học hỏi từ những kinh nghiệm tiên tiến, phát huy đầy đủ các ưu thế, tạo ra một mô hình đô thị hóa mang đầy đủ những đặc tính của Tương Tây.

## **II. Xây dựng mô hình đô thị hóa cácbon thấp**

### **1. Chú trọng tới sự tăng trưởng của ngành du lịch sinh thái**

Cần chú trọng tới sự tăng trưởng của ngành du lịch sinh thái, tối ưu hóa cơ cấu ngành công nghiệp, tích cực tìm kiếm con đường xây dựng theo mô hình đô thị hóa, ngành công nghiệp sẽ là nền tảng vững chắc hỗ trợ cho việc xây dựng một mô hình đô thị cácbon thấp. Đô thị là cái nôi để phát triển công nghiệp, công nghiệp lại hỗ trợ cho việc xây dựng đô thị. Trong quá trình xây dựng theo mô hình đô thị hóa, cơ cấu các ngành công nghiệp của Tương Tây vẫn sử dụng những công nghệ có mức tiêu hao năng lượng cao, phát thải khí CO<sub>2</sub> và ô nhiễm cao, mặc dù nền công nghiệp của Tương Tây vẫn đang được cải tiến và mở rộng, nhưng do trình độ quản lý cấp huyện thị còn yếu kém, nên tất cả các huyện thị nằm trong khu vực Tương Tây giống như một mớ hỗn độn. Do sự nguy hiểm của ngành công nghiệp có mức tiêu thụ năng lượng, phát thải khí CO<sub>2</sub>, ô nhiễm cao, nên cần

nhANH chóng thiết lập kiện toàn nền công nghiệp cácbon thấp, hệ thống kinh tế ít ô nhiễm, đây là việc làm rất cần thiết. Từ tình hình thực tế của Tương Tây có thể nhận thấy, với cơ cấu công nghiệp hiện có, có thể thúc đẩy việc xây dựng ngành công nghiệp cácbon thấp và quan trọng hơn là thúc đẩy ngành công nghiệp du lịch sinh thái phát triển.

### **2. Chính quyền Tương Tây cần chú trọng tới việc xây dựng và quản lý**

Bằng cách nào để các cấp chính quyền Tương Tây có thể cùng nhau quản lý và xây dựng, thúc đẩy mô hình xây dựng đô thị hóa một cách toàn diện. Để làm được như vậy, cần nắm rõ chính sách quản lý và xây dựng của Tương Tây. Từ thực tế cho thấy, cần kịp thời mở rộng biện pháp và kỹ thuật tiết kiệm năng lượng (TKNL) trong xây dựng, xây dựng một đô thị phát thải ít cácbon và TKNL. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn tiêu thụ năng lượng trong công trình xây dựng, qua đó làm cơ sở để đánh giá hiệu quả TKNL và lợi ích kinh tế; thực hiện cải tạo mức tiêu thụ năng lượng cao trong xây dựng; sử dụng những chính sách ưu đãi về thuế để khuyến khích các nhà phát triển và người dân đầu tư, khuyến khích việc giao dịch mua bán những tòa nhà được thiết kế theo mô hình TKNL và giảm phát thải cácbon; triển khai thực hiện các kiến trúc TKNL; tăng cường giám sát và kiểm tra tình hình sử dụng năng lượng trong đô thị, mở rộng công tác chứng nhận sản phẩm TKNL; cải tiến nâng cao hiệu quả của hệ thống sưởi, khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng mới.

### **3. Thông qua việc nâng cao chất lượng, tạo ra cơ hội phát triển**

Cần tăng cường quản lý và giám sát, kiểm soát chặt chẽ quy mô và tiến độ xây dựng đô thị, nâng cao chất lượng xây dựng đô thị. Trước mắt, Tương Tây đã có 7 huyện thị thực hiện nâng cao chất lượng xây dựng và đạt hiệu quả cao. Chính quyền các cấp cần giám sát chặt chẽ đối với những dự án xây mới; đồng thời, đưa

ra những chính sách thuế, biện pháp quản lý và tiêu chuẩn phá dỡ trong xây dựng một cách phù hợp, thông qua cơ chế thị trường, loại bỏ những yêu cầu phi lý, không cần thiết đối với xây dựng.

#### *4. Đổi mới kỹ thuật và cơ chế*

Hệ thống giao thông công cộng, hệ thống giao thông không động cơ là một trong những chiến lược ưu tiên được lựa chọn để thực hiện đổi mới kỹ thuật và cơ chế. Cần đưa ra các biện pháp thực hiện phù hợp với mục tiêu xây dựng đô thị carbon thấp của Tương Tây, bao gồm đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng, nâng cao tỷ trọng vận tải công cộng, kiểm soát sự tăng trưởng xe ô tô cá nhân; mở rộng và

phát triển hệ thống giao thông đường sắt đô thị; phát triển các phương tiện giao thông giảm phát thải carbon như sử dụng nhiên liệu hỗn hợp, xe ô tô điện...; quy hoạch, xây dựng hệ thống giao thông không động cơ, thiết lập và hoàn thiện pháp luật và quy định, lập quỹ phát triển giao thông đô thị, đảm bảo hệ thống giao thông công cộng là lĩnh vực được ưu tiên phát triển./

**Chu Văn**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc số 3/2012*

**ND: Bích Ngọc**



**Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tiếp ông Bobby Lubana - Tổng Giám đốc Đông Nam Á - Công ty GE Industrial Solutions**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2012



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và ông Bobby Lubana



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và lãnh đạo các Cục, Vụ của Bộ Xây dựng chụp ảnh lưu niệm với ông Bobby Lubana và các thành viên trong đoàn